

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**GIÁO TRÌNH MÔ ĐUN
CHUẨN BỊ TRỒNG NGÔ**

NGHỀ TRỒNG NGÔ



Hà Nội - 2011

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

MÃ TÀI LIỆU: MĐ 02

LỜI GIỚI THIỆU

Nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy về kỹ thuật trồng ngô; nhóm biên soạn giáo trình Trồng ngô đã bám sát theo yêu cầu đào tạo, sản xuất, nhu cầu của người học và bản chất công việc để biên soạn tập tài liệu bài giảng tích hợp làm tài liệu giảng dạy cho giáo viên và tài liệu học tập cho học sinh trong quá trình đào tạo nghề.

Tập bài giảng tích hợp và bộ phiếu phân tích công việc sẽ là cẩm nang của người học nghề. Chúng tôi tin rằng tập bài giảng tích hợp sẽ góp phần đáp ứng công tác dạy nghề cho chương trình nghề Kỹ thuật sản xuất ngô.

Giáo trình này giúp các học viên:

- Hiểu biết một cách có hệ thống hơn về các điều kiện ngoại cảnh của cây ngô như ánh sáng, nhiệt độ, ẩm độ, sự tưới nước...

- Xác định được kỹ thuật làm đất, nhận biết được đặc điểm thực vật học của một số giống ngô đang được trồng phổ biến hiện nay.

- Giúp các học viên biết được hình thái giải phẫu, sinh lý, sinh thái của cây ngô.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các đơn vị: Vụ tổ chức - Bộ NN & PTNT, Trường Cao đẳng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Bộ và các bạn đồng nghiệp tại các trường dạy nghề khác đã tài trợ kinh phí, nhiệt tình đóng góp ý kiến để chúng tôi hoàn thành được tập tài liệu này.

Phương pháp biên soạn bài giảng theo phương pháp tích hợp là một phương pháp mới đối với giáo viên nhà trường, quá trình biên soạn vẫn bị ảnh hưởng của phương pháp truyền thống đồng thời biên soạn trong một thời gian ngắn nên không thể tránh khỏi những thiếu sót, mong được sự góp ý của các đồng nghiệp, bạn đọc để tập giáo trình được hoàn chỉnh hơn.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn./.

Nhóm biên soạn

1. Ông Trần Văn Dư
2. Bà Đào Thị Hương Lan
3. Bà Trần Thị Thanh Bình
4. Ông Lê Văn Hải
5. Ông Nguyễn Đức Ngọc
6. Bà Lê Thị Mai Thoa
7. Ông Nguyễn Văn Hưng

MỤC LỤC

ĐỀ MỤC

TRANG

BÀI 1 : PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SẢN XUẤT VÀ LÊN PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT NGÔ	5
1. Kiến thức cần thiết để thực hiện công việc.....	5
1.1. Thu tập thông tin.....	5
1.2 Xử lý và phân tích thông tin.....	19
1.3 Phân tích SWOT.....	19
1.4 Phân tích xu thế giá	21
1.5 Phân tích mùa vụ của giá	23
2. Quy trình và cách thức thực hiện công việc	23
BÀI 2 : CÁC LOẠI GIỐNG NGÔ	25
II. Một số giống ngô phổ biến ở Việt Nam.....	25
1. Giống lai đơn LVN10	25
2. Giống lai đơn LVN 4	26
3. Giống lai đơn LVN 99	27
4. Giống ngô nếp VN 2.....	29
5. Giống ngô lai VN8960.....	30
6. LVN 145	31
7. Giống ngô lai LVN 885	32
8. Giống ngô lai LVN 45(ĐP 5)	33
9. Giống lai đơn LVN14	34
10. Giống lai đơn LVN184	35
11. Giống lai đơn LVN37	36
12. Giống ngô nếp VN6.....	37
13. Giống ngô LVN66	37
14. Giống ngô lai LVN9	39
15. GIỐNG NGÔ LVN61.....	40
16. Giống ngô lai LVN98	41
17. Giống ngô Nếp lai số 1	42
18. Giống ngô lai C919.....	43
19. Giống ngô lai NK54.....	44
20. Giống ngô lai NK 4300.....	45
BÀI 3: LÀM ĐẤT TRỒNG NGÔ	47
1. Làm đất trồng ngô.....	47
2. Chuẩn bị hạt giống, xử lý hạt giống	47
3. Chọn đất và kỹ thuật làm đất	48
3.1. Chọn đất.....	48
3.2. Kỹ thuật làm đất.....	48
4. Bón phân cho ngô	50
4.1. Liều lượng.....	50
4.2. Cách bón.....	50

MÔ ĐUN 2: CHUẨN BỊ TRỒNG NGÔ

Mã mô đun: MĐ 02

Giới thiệu mô đun

- Mô đun chuẩn bị trồng ngô cung cấp cho học viên các phương án sản xuất, kỹ thuật làm đất và các giống ngô hiện đang được trồng phổ biến hiện nay, các giải pháp kỹ thuật trong sản xuất ngô.

BÀI 1: PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SẢN XUẤT VÀ LÊN PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT NGÔ

Mã bài: M1- 01

Mục tiêu:

- Phân tích được thực trạng chung về thị trường các sản phẩm ngô.
- Phân biệt được các phương pháp thu thập thông tin;
- Xử lý được các thông tin sau khi thu thập;
- Đưa ra được các lựa chọn phù hợp cho các trường hợp cụ thể;
- Tôn trọng các nguyên tắc thu thập và xử lý thông tin.

A. Nội dung

1. Kiến thức cần thiết để thực hiện công việc

1.1. Thu thập thông tin

Thông tin thị trường là gì?

Thông tin thị trường là tất cả các thông tin về mua và bán các sản phẩm và dịch vụ. Thông tin thị trường không chỉ là thông tin về giá cả và số lượng mà còn bao gồm cả các thông tin liên quan đến thị trường đầu ra và đầu vào của sản phẩm.

Thông tin thị trường sản phẩm ngô là gì?

Là thông tin về cầu và cung của sản phẩm ngô, vật tư vào và các dịch vụ có liên quan

Bảng dưới đây trình bày một số ví dụ về thông tin thị trường sản phẩm ngô:

Bảng 11 Các ví dụ về thông tin thị trường

Loại thông tin	Thông tin
1. Vật tư đầu vào	- Địa điểm và địa chỉ liên hệ của người cung cấp vật tư

	<ul style="list-style-type: none"> - Loại và chất lượng của các loại vật tư - Giá của các loại vật tư khác nhau
<i>2. Cầu</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước cầu ở địa phương, trong khu vực và trong nước - Mức độ tăng trưởng và xu thế của cầu - Tính mùa vụ của cầu
<i>3. Người mua</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm và địa chỉ liên hệ - Yêu cầu về số lượng - Các yêu cầu về chất lượng - Các yêu cầu về đóng gói - Tính mùa vụ của cầu - Giá mua - Các điều khoản thanh toán - Các dịch vụ hỗ trợ đi kèm (vật tư, tín dụng, v.v...)
<i>4. Giá</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giá mua vào tại các thị trường khác nhau - Giá của các sản phẩm có chất lượng và thuộc các loại khác nhau - Tính mùa vụ của giá - Sự dao động giá giữa các vụ - Xu thế giá
<i>5. Cạnh tranh</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Các khu vực cung cấp chính - Chất lượng sản phẩm từ các khu vực khác nhau - Tính mùa vụ của nguồn cung từ những khu vực cung cấp khác nhau - Nhập khẩu
<i>6. Các chi phí marketing</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí vận chuyển - Phí chợ - Các phí không chính thức - Các loại phí khác

Tại sao thông tin thị trường lại quan trọng?

Nông dân thường tự quyết định phương thức hoạt động sản xuất và marketing cho riêng mình. Thông tin thị trường có thể giúp họ chọn lựa hoạt động nào là phù hợp trong suốt quá trình sản xuất, từ lập kế hoạch sản xuất cho đến khi bán sản phẩm.

Nông dân nên sản xuất cái gì và bao nhiêu?

Thông tin về chi phí sản xuất và giá rất cần thiết trong tính toán lợi nhuận tiềm năng của mỗi hướng lựa chọn sản phẩm để từ đó nông dân có thể quyết định nên sản xuất cái gì. Những hiểu biết về sự thay đổi giá trung hạn sẽ rất hữu ích, đặc biệt là cho các loại cây trồng lâu năm.

Quyết định sản xuất cái gì và bao nhiêu sẽ thay đổi tùy theo từng khu vực khác nhau và thậm chí ở các nông hộ khác nhau trong cùng một khu vực, phụ thuộc vào điều kiện đất đai, lao động, vốn, và khả năng chịu rủi ro. Điều quan trọng là các nông hộ phải tập trung vào sản xuất cái gì mà họ có thể làm tốt để nâng cao khả năng cạnh tranh. Do vậy hiểu được mức độ cạnh tranh giữa những người nông dân và các khu vực khác nhau là rất quan trọng.

Nông dân nên trồng những giống cây nào?

Thông tin về năng suất, yêu cầu kỹ thuật của các loại giống khác nhau, nguồn và giá của mỗi loại có thể giúp nông dân trả lời được câu hỏi này. Những hiểu biết về nhu cầu hiện tại và tương lai về các giống cây trồng khác nhau cũng rất cần thiết.

Nông dân nên áp dụng hình thức sau thu hoạch nào?

Trả lời được câu hỏi này đòi hỏi phải có thông tin về nhu cầu của người mua. Nông dân cũng cần phải biết liệu mức giá chênh lệch từ việc áp dụng các phương thức sau thu hoạch có bù đắp được các chi phí đi kèm không? Hay liệu nông dân có thể tăng thu nhập bằng cách dành thời gian và nguồn lực cho các hoạt động khác không?

Nông dân có nên lưu kho sản phẩm không?

Một số mặt hàng nông sản có thể được lưu kho. Nông dân chỉ nên lưu kho khi họ biết giá sẽ tăng lên và mức giá tăng có thể bù đắp được các chi phí và rủi ro đi kèm. Liệu nông dân có thể kiếm lời nếu giảm lượng hàng bán ra hay là họ nên thu hoạch sản phẩm sớm hơn để lấy tiền đáp ứng các nhu cầu cần thiết và tiến hành đầu tư mới?

Bán sản phẩm ở đâu?

Sản phẩm bán ra trên các thị trường hay địa điểm khác nhau sẽ có mức giá khác nhau, nhưng mỗi một lựa chọn đều có rủi ro và phải chịu một chi phí marketing riêng. Liệu nông dân có nên bán sản phẩm của mình với một lượng nhỏ cho những khu vực xa xôi hay không? Nếu muốn phân phối sản

phẩm cho những khu vực vùng xa thì nông dân cần phải liên kết lại thành từng nhóm.

Nên bán sản phẩm cho ai?

Câu trả lời tùy thuộc vào yêu cầu về số lượng và chất lượng sản phẩm của người mua, mức giá họ trả, các điều khoản họ cung cấp và các chi phí khi cung cấp hàng cho họ. Nếu không có những thông tin cần thiết trên, chắc chắn nông dân sẽ bán hàng của họ cho những người thu gom ở địa phương bởi đó là cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

Nông dân nên bán hàng riêng lẻ hay theo nhóm?

Người nông dân sẽ kiếm được ít lãi từ việc bán hàng xa nhà do lượng sản phẩm mà họ bán ra rất nhỏ trong khi phí vận chuyển tương đối cao và tốn nhiều thời gian. Tuy nhiên nếu bán hàng theo nhóm, họ có thể nhắm đến những thị trường hay người mua ở các vùng xa nơi họ sống. Chính vì vậy, nông dân cần phải xác định được liệu những người thu mua ở địa phương hay từ nơi khác đến có đủ điều kiện để thành lập thành một nhóm hay không.

Nông dân nên thương lượng như thế nào với người mua?

Thông tin về mức giá hiện thời ở địa phương và các khu vực lân cận có thể giúp nông dân trong việc quyết định nên chấp nhận mức giá người mua đưa ra hay thương lượng thêm hoặc tìm kiếm người mua khác. Cần phải lưu ý rằng nông dân sẽ giữ thế chủ động hơn nếu tiến hành thương lượng theo nhóm.

Thị trường thường xuyên thay đổi vì vậy câu trả lời cho các câu hỏi trên cũng thường xuyên thay đổi! Sự thay đổi về cầu sẽ mang lại nhiều cơ hội mới nhưng cũng tạo nhiều thách thức. Sự mở rộng của chuỗi cung ứng có thể mở ra nhiều thị trường mới nhưng cũng khiến người nông dân phải đối mặt với sự cạnh tranh gia tăng từ các vùng khác hay nước khác. Để đáp ứng và thích nghi với những thay đổi về cung và cầu, người nông dân phải được tiếp cận với những thông tin thị trường phù hợp. Và họ cũng cần phải phát triển chiến lược theo nhóm.

Thông tin thị trường có thể giúp nông dân đưa ra các quyết định sản xuất và marketing phù hợp!

Câu hỏi 1: Tôi nên trồng loại ngô gì và với diện tích bao nhiêu?

- Xu thế giá của các mặt hàng rau có thể cạnh tranh được trên ruộng của tôi?
- Lợi nhuận tiềm năng đối với mỗi sản phẩm như thế nào?
- Có nhiều người mua quan tâm đến sản phẩm của tôi hay không?
- Liệu tôi có thể cạnh tranh được với những người nông dân ở khu vực sản xuất khác?

Câu hỏi 2: Tôi nên trồng những loại cây nào?

- Giá bán của những sản phẩm khác nhau là bao nhiêu?
- Đối với mỗi loại giống, giá hạt giống/cây giống là bao nhiêu?
- Xu hướng cầu cho từng loại sản phẩm khác nhau?
- Yêu cầu của người mua là gì?
- Liệu tôi sẽ đối mặt với những thách thức nào từ những người nông dân khác hay từ các sản phẩm khác?

Câu hỏi 3: Tôi nên mua vật tư ở đâu?

- Ai là người cung cấp vật tư tại khu vực của tôi và các vùng lân cận?
- Chất lượng vật tư được bán ra?
- Ai là người bán với giá thấp nhất và có những điều kiện thanh toán tốt nhất?
- Người cung ứng vật tư có cho trả chậm không? Điều kiện đi kèm là gì?

Câu hỏi 4: Tôi nên áp dụng hình thức sau thu hoạch nào?

- Những yêu cầu về chất lượng của người mua. Họ có yêu cầu sản phẩm được làm sạch và sấy khô không?
- Họ có muốn sản phẩm được phân loại không?
- Họ yêu cầu hình thức đóng gói như thế nào?
- Liệu người mua có sẵn sàng trả cao hơn không nếu tôi cung cấp sản phẩm đáp ứng các yêu cầu của họ?

Câu hỏi 5: Tôi có nên lưu kho sản phẩm của tôi không?

- Liệu tôi có nên lưu kho sản phẩm để bán ra với giá cao hơn trong tương lai không?
- Liệu sự chênh lệch về giá có đủ để bù đắp các chi phí và rủi ro của việc lưu kho không?
- Tôi nên lưu kho sản phẩm trong bao lâu?

Câu hỏi 6: Tôi nên bán sản phẩm của mình ở đâu?

- Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và giá bán tại trang trại và tại các thị trường hay các địa điểm khác nhau như thế nào?
- Chi phí vận chuyển và các chi phí khác phát sinh khi bán tại trang trại và tại các địa điểm khác như thế nào?
- Rủi ro đối với mỗi lựa chọn như thế nào?

Câu hỏi 7: Tôi nên bán sản phẩm của mình cho ai?

- Ai là khách hàng tiềm năng đối với các sản phẩm của tôi?
- Tôi sẽ liên hệ với họ bằng cách nào?
- Các yêu cầu về sản phẩm của họ? Liệu tôi có thể đáp ứng các yêu cầu của họ?

hay không?

- Giá mua vào và các điều kiện thanh toán?
- Các chi phí khác đi kèm khi cung cấp hàng?

Câu hỏi 8: Tôi nên bán hàng riêng lẻ hay bán theo nhóm?

Liệu người mua có sẵn sàng trả giá cao hơn cho những sản phẩm chất lượng cao của tôi? Cao hơn bao nhiêu?

- Liệu người mua ở vùng xa có trả giá cao hơn mức mà người tiêu dùng ở địa phương tôi đang trả?
- Và tôi phải trả những chi phí gì để có thể đáp ứng được các yêu cầu về sản phẩm và cung ứng sản phẩm đó?

Câu hỏi 9: Tôi nên thương lượng với người mua như thế nào?

- Liệu giá mà người mua trả cho tôi có phù hợp với giá thị trường đối với loại sản phẩm có cùng chất lượng hay không?
- Liệu tôi và những nông dân khác có thể thương lượng với người mua ngay tại địa phương hoặc khu vực lân cận hay không?

1.1.1. Loại thông tin thị trường nào cần được thu thập?

Thu thập thông tin thị trường là một phần quan trọng đối với nông dân khi họ nắm vững thông tin thị trường.

Thị trường tiêu thụ ngô bao gồm tất cả những khách hàng tiềm ẩn (những người mua) có cùng một nhu cầu hay một mong muốn cụ thể về một loại ngô nào đó, sẵn sàng có khả năng tham ra trao đổi để thỏa mãn nhu cầu và mong muốn đó

Phân tích thị trường ngô là quá trình thu thập và phân tích có hệ thống các dữ liệu về các vấn đề có liên quan đến các sản phẩm ngô. Nhằm đánh giá những điểm chủ yếu như quy mô, cơ cấu, xu hướng biến động và các ảnh hưởng của những nỗ lực marketing

Tránh thu thập quá nhiều thông tin cùng một lúc! Công việc thu thập thông tin thị trường là một quá trình tích lũy dần dần.

1.1.2. Những nguồn cung cấp thông tin thị trường chủ yếu là gì?

Biết được thông tin nào cần thu thập mới chỉ là bước đầu tiên. Tiếp theo nông dân phải biết nên thu thập thông tin ở đâu để *giảm thiểu chi phí* về thời gian và tiền bạc.

Lý tưởng nhất là dựa vào nhiều nguồn thông tin thị trường khác nhau. Một nguồn thông tin không thể cung cấp đầy đủ thông tin và hiểu biết về thị trường. Dưới đây là sơ đồ một số nguồn thông tin sẽ được trình bày trong các phần tiếp theo

1. Các trung gian thị trường

Các trung gian thị trường (thương nhân, chủ cơ sở chế biến, người cung cấp dịch vụ vận chuyển) tiến hành mua và bán vật tư và sản phẩm hàng ngày để kiếm sống. Họ là những nguồn thông tin tuyệt vời.

Vì vậy, khi thu thập thông tin thị trường, người dân nên bắt đầu bằng cách trao đổi với các trung gian thị trường. Thương nhân và các chủ cơ sở chế biến thường rất bận nhưng kinh nghiệm cho thấy là họ luôn luôn vui vẻ cung cấp thông tin nhất. Họ mong muốn nông dân cung cấp cái mà họ cần

2. Nông dân

Nông dân cũng là một nguồn cung cấp thông tin về thị trường, đặc biệt là những nông dân đã thành công trong việc đa dạng hoá cây trồng, sáng tạo trong các chiến lược marketing, và nắm bắt tốt về cung và cầu của một số sản phẩm cụ thể.

3. Cán bộ khuyến nông

Cán bộ khuyến nông trong huyện có thể cung cấp các thông tin hữu ích về các thị trường trong khu vực hoạt động của họ. Những thông tin này nên được trao đổi thường xuyên qua điện thoại và trong các cuộc họp với sự tham gia của một số nông dân tiêu biểu.

Cán bộ khuyến nông tại những khu vực khác trong tỉnh, hoặc đồng nghiệp của họ ở các trung tâm khuyến nông của tỉnh khác (thậm chí là quốc gia khác), cũng được coi là một cung cấp thông tin thị trường rất hiệu quả. Có thể tiếp cận các thông tin về thị trường bên ngoài thông qua các đối tượng này. Tỉnh trưởng có thể liên lạc với họ qua điện thoại và e-mail

4. Nhà nghiên cứu thị trường

Hiện nay ở Việt Nam vẫn chưa có nhiều nhà nghiên cứu thị trường có kinh nghiệm. Tuy nhiên, người dân có thể liên hệ với một số nhà nghiên cứu tại các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức và dự án phát triển để thu thập tài liệu, thông tin liên quan và hiểu sâu hơn về hệ thống marketing nông nghiệp.

Bảng 2.2 liệt kê một số tổ chức và dự án đã và đang tiến hành nghiên cứu thị trường cho một vài loại hàng hoá tại Việt Nam. Có thể tiếp cận các thông tin chi tiết về một số chuỗi cung ứng và hệ thống marketing cụ thể qua các nguồn này.

Bảng 12 Một số tổ chức và dự án thực hiện nghiên cứu thị trường

Tổ chức/Dự án	Lĩnh vực hoạt động /Nghiên cứu thị trường /Các ngành Hàng	Địa chỉ liên hệ
Viện nghiên cứu	Nghiên cứu khoa học về ngô	Địa chỉ: Trì trấn

<p>ngô</p> <p>MRI</p>	<p>Xây dựng quỹ gen về ngô từ các nguồn vật liệu ngô trong nước và ngoài nước. Nghiên cứu, chọn lọc và lai tạo giống cùng các kỹ thuật canh tác về cây ngô và một số cây màu thường luân canh và xen canh với ngô như lạc, đậu tương, đậu xanh, phục vụ cho các vùng.</p>	<p>Phùng, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây</p> <p>Điện thoại: (034)886356</p> <p>Fax: 034 886 309</p> <p>Email: nmri@hn.vnn.vn</p>
<p>FAVRI</p> <p>Viện nghiên cứu Rau Quả</p>	<p>Nghiên cứu khoa học về rau quả</p> <p>Nghiên cứu về marketing và tiêu thụ rau quả</p> <p>Tạp chí thông tin làm vườn hàng tháng và hàng quý</p>	<p>Hoang Bang An</p> <p>Tel: (04) 8276257/ 8276254</p> <p>Fax: (04) 8.276148</p> <p>E-mail: vrqhnvn@hn.vnn.vn</p>
<p>IPSARD</p> <p>Viện Nghiên cứu Chính sách và Chiến lược Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>	<p>Tư vấn về chính sách và chiến lược</p> <p>Nghiên cứu các hệ thống nông nghiệp</p> <p>Phân tích các chuỗi ngành hàng và thị trường nông nghiệp (gạo, cà phê, hạt tiêu, v.v...)</p> <p>Các thông tin chiến lược về sản xuất và thị trường nông nghiệp</p>	<p>Đặng Kim Sơn</p> <p>Tel: (04) 972 3390</p> <p>E-mail: dangkimson_mard@yahoo.com http://www.ipsard.gov.vn</p>
<p>CASRAD</p> <p>Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống nông nghiệp, thuộc Viện Nghiên cứu Lương thực (FCRI)</p>	<p>Sản xuất nông nghiệp và tổ chức nông thôn</p> <p>Phân tích và phát triển chuỗi giá trị (chuối, vải, hồng, gạo, rau an toàn, cà phê, v.v...)</p>	<p>Đào Thế Anh</p> <p>Tel: (034) 650-862</p> <p>Fax: (034) 650-793</p> <p>Email: daotheanh@fpt.vn</p>
	<p>Hỗ trợ tiểu ngành cá, bao gồm cả</p>	

<p>DANIDA</p> <p>Cơ quan phát triển quốc tế Đan mạch</p>	<p>xuất khẩu thủy sản</p> <p>Phát triển khu vực tư nhân tại tỉnh Hà Tây, Nghệ An, Lâm Đồng và Khánh Hòa</p> <p>Phân tích và phát triển chuỗi giá trị (ví dụ: rau)</p>	<p>Jørn Fredsgaard Sørensen</p> <p>Tel: (04) 944 52 48</p> <p>Fax: (04) 944 52 47</p> <p>E-mail: senior-advisor@gcf-vn.org</p> <p>http://www.gcf-vn.org</p>
<p>ACIAR</p> <p>Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp quốc tế, Australia</p>	<p>Nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm thủy sản và nông nghiệp của Việt Nam</p> <p>Nghiên cứu thị trường (ví dụ: gia súc, quả)</p> <p>Thông tin thị trường nông nghiệp (Đồng bằng sông Hồng).</p>	<p>Misha Coleman</p> <p>Tel: (04) 8317755</p> <p>Fax: (04) 8317707</p>
<p>M4P Project</p> <p>Dự án phát triển thị trường vì người nghèo</p>	<p>Đối thoại chính sách</p> <p>Nghiên cứu và phân tích thị trường (ví dụ: sản, chè, hành động tập thể, thương hiệu)</p>	<p>Dominic Smith</p> <p>Tel: +(04) 9331374</p> <p>Fax: +(04) 9331373</p> <p>E-mail: info@markets4poor.org</p> <p>http://www.markets4poor.org</p>
<p>Fresh Studio Innovations Asia</p>	<p>Dịch vụ tư vấn và kinh doanh</p> <p>Nghiên cứu thị trường rau quả và hoa</p> <p>Phát triển chuỗi giá trị</p>	<p>Siebe van Wijk</p> <p>Tel.: +84 (0)4 715 1488</p> <p>Fax: +84 (0)4 715 1486</p> <p>Email: vietnam@freshstudio.biz</p>

5. Báo chí

Thông tin thị trường, đặc biệt là các thông tin về xu thế giá của một số mặt hàng cụ thể thường được đăng tải trên các báo trung ương và địa phương. Một số bài báo còn cung cấp thông tin và phân tích về cung và cầu, thông tin về các doanh nghiệp nông lâm nghiệp và những đầu tư gần đây.

Một số gợi ý để thu thập thông tin từ báo chí

- Đọc lướt qua tờ báo
- Chú ý tới các chuyên mục về nông lâm nghiệp (kể cả chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản)
- Đánh dấu các thông tin liên quan đến thị trường sản phẩm đang tìm kiếm
- Xem xét mối liên quan giữa các thông tin đó với người nông dân địa phương
- Ghi chép lại tất cả các thông tin và số liệu định lượng và định tính vào các bảng biểu.

6. Các tạp chí, bản tin định kỳ:

Có rất nhiều tạp chí, bản tin định kỳ cung cấp thông tin và phân tích có ích về thị trường nông nghiệp. Một số tạp chí, bản tin chuyên về các vấn đề kinh tế và kinh doanh, trong khi một số khác lại tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp cụ thể. Một số tạp chí mang tính chuyên môn, tuy nhiên cũng có khá nhiều tạp chí phổ thông. Cũng giống như báo chí, các tạp chí và bản tin định kỳ cung cấp cơ hội tiếp cận các thông tin về thị trường bên ngoài.

Tạp chí và bản tin do các ban thông tin thị trường xuất bản thường rất bổ ích. Bộ Thương mại, bộ Tài chính và bộ Nông nghiệp đều có các ban thông tin thị trường riêng và xuất bản định kỳ các bản tin. Nhiều tỉnh cũng đang tiến hành phát triển hệ thống thông tin thị trường, và họ cũng sẽ cho ra đời các tạp chí và bản tin riêng của mình.

Các bản tin thị trường và giá cả

Trung tâm thông tin Thương Mại Việt Nam, Bộ Thương Mại

Bản tin thị trường (ra hàng ngày)

Bản tin vật tư nông nghiệp (ra hàng ngày)

Bản tin thương mại trong nước (ra hàng tuần)

Bản tin thương mại quốc tế (3 số/tháng)

Viện Nghiên cứu thị trường và giá cả, Bộ Tài chính

Bản tin thị trường (ra hàng ngày, trừ Chủ Nhật)

Bản tin thị trường Chủ nhật (ra vào các ngày Chủ Nhật)

Viện nghiên cứu Hoa quả miền Nam (SOFRI)

Thông tin về thị trường hoa quả (ra hàng tháng)

Sở Nông nghiệp tại các tỉnh

Nông nghiệp và thị trường tỉnh Đắk Lắk (ra hàng tháng)

Thông tin thị trường về Nông Lâm sản của tỉnh Bình Định (ra hàng tuần)

Thông tin thị trường về Nông Lâm sản của tỉnh Lào Cai (ra hàng tuần)

7. Đài phát thanh và truyền hình

Nông dân có thể tiếp cận thông tin và nắm bắt thị trường nông nghiệp qua nghe đài và xem truyền hình thường xuyên. Các đài truyền hình và truyền thanh địa phương thường phát các bản tin chuyên đề về nông nghiệp và kinh tế/kinh doanh, cung cấp rất nhiều thông tin hữu ích về thị trường và marketing. Thời gian phát sóng của các chương trình có thể thay đổi, vì vậy, cán bộ khuyến nông nên truy cập trang web của đài tiếng nói Việt Nam (<http://www.tnvn.gov.vn>) và Đài truyền hình Việt Nam (www.vtv.org.vn) để nắm được lịch phát sóng chính xác của các chương trình. Trang web của Đài tiếng nói Việt Nam cũng cung cấp các thông tin về thời gian phát sóng của các chương trình trong khu vực.

Một số chương trình phát thanh có liên quan tới thị trường

- “Nông nghiệp và Nông thôn”: Từ Thứ Hai đến Thứ Sáu lúc 5:30–5:50 sáng và 1:05–1:25 chiều; VOV1 và VOV2.
- “Bản tin ngắn: Thời tiết và Giá cả”: Thứ Hai đến Thứ Sáu lúc 7:25–7:30 sáng và 1:05–1:25; VOV1 và VOV2.
- “Doanh nghiệp và Doanh nhân”: Từ Thứ Hai đến Thứ Sáu lúc 11:05–11:20 sáng và 7:05–7:20 chiều.; VOV1 và VOV2.

Một số chương trình truyền hình về kinh doanh và thị trường

- “Thị trường 24 giờ”: Thứ hai đến Thứ Sáu lúc 12:20 trưa và 6:45 chiều; VTV1.

“Bản tin định kỳ về dân tộc miền núi”: Hàng ngày lúc 3:30 chiều; VTV1

8. Internet

Internet ngày càng được sử dụng phổ biến trong quá trình thu thập thông tin. Hiện nay, người trồng rau có thể truy cập internet tại bất cứ đâu ở Việt Nam, kể cả ở những vùng sâu vùng xa. Với một máy tính có kết nối Internet, người trồng ngô có thể thu thập được rất nhiều thông tin về thị trường nông nghiệp trong nước và quốc tế mà không cần rời khỏi văn phòng.

Hiện ở Việt Nam đã có rất nhiều trang web với các thông tin hữu ích về thị trường nông nghiệp, trong đó có một vài diễn đàn trực tuyến và chuyên đề nơi người sử dụng có thể đưa các câu hỏi và yêu cầu thông tin cụ thể. Có thể thu thập các thông tin cụ thể bằng cách sử dụng các công cụ

tìm kiếm như google (<http://www.google.com.vn>). Bằng các từ khóa liên quan đến nhu cầu thông tin, ví dụ “thị trường trâu bò” hoặc “thị trường sắn”, “thị trường ngô giống” ; “thị trường ngô thương phẩm” cán bộ khuyến nông sẽ có một danh sách các trang web có các thông tin liên quan.

Danh sách trang web

Cổng thông tin của Bộ NN&PTNT (<http://www.agroviet.gov.vn/>)

Trang web xúc tiến kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (<http://210.245.60.189/>)

Phòng thông tin An toàn lương thực của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (<http://www.mard.gov.vn/fsiu/>)

VINANET, Bộ Thương Mại (<http://vinanet.com.vn/>)

Bản tin thị trường rau quả (CIRAD/AVRDC/MARD)

(<http://210.245.60.189/html/DuanSusper/vietnames.asp>)

Tạp chí Marketing và Sản xuất (<http://210.245.60.189/tapchi/sxtt/>)

Làm kinh doanh với Viet Linh (http://www.vietlinh.com.vn/e_index.html)

Diễn đàn trực tuyến về nông nghiệp (CIFPEN và VNMedia)

(<http://vnmedia.vn/giaoluu/>)

Diễn đàn trực tuyến về Nông nghiệp (Đại học Cần Thơ)

(<http://forum.ctu.edu.vn/viewforum.php?f=10>)

Trang thông tin của nông dân (Diễn đàn trao đổi trực tuyến)

(<http://vietnamgateway.org/vanhoaxa/index.php?chuyenmuc=02>)

“Thị trường 24 giờ” (<http://www1.thitruong24h.com.vn/>)

Trang web về thị trường ngành hàng nông nghiệp

(<http://www.chonongsan.com.vn/>)

Một số gợi ý để thu thập thông tin từ Internet

- Thành lập thư mục trong máy tính. Đặt tên thư mục. Ví dụ: “ thông tin thị trường”
- Tạo các thư mục con trong thư mục này với các chủ đề khác nhau (ví dụ: theo tên sản phẩm, cung cấp vật tư, thương nhân, cơ sở chế biến, v.v...)
- Sử dụng công cụ tìm kiếm để tìm thông tin cần bằng các từ khóa (ví dụ: giá lạc, thị trường ngô, trâu bò, v.v...)
- Lưu các bài báo có nội dung liên quan vào thư mục thích hợp
- Đánh dấu các thông tin và số liệu liên quan và ghi lại vào các bảng biểu

thích hợp

1.1.3. Sử dụng phương pháp và công cụ nào để thu thập thông tin từ các thành viên thị trường?

Thu thập thông tin từ các thành viên thị trường là công việc mới đối với hầu hết cán bộ khuyến nông nhưng công việc được tiến hành dễ dàng hơn so với mọi người thường nghĩ. Có thể áp dụng một số nguyên tắc đơn giản sau.

Phỏng vấn bán cấu trúc hoặc phỏng vấn bán công khai xung quanh một số vấn đề hoặc chủ đề cụ thể là phương pháp thu thập thông tin phù hợp. Loại phỏng vấn như vậy đôi khi trở thành cuộc thảo luận và trao đổi không chính thức và cho phép thu thập thông tin một cách linh hoạt và nhanh chóng.

Phỏng vấn bán cấu trúc là gì?

Là thảo luận (đặt những câu hỏi bán công khai) xung quanh một số vấn đề cụ thể

Nên sử dụng bảng kiểm– danh sách các vấn đề và câu hỏi chính – trong quá trình phỏng vấn. Bảng kiểm sẽ giúp người phỏng vấn nhớ các nội dung chính cần thảo luận. Cần lưu ý rằng, bảng kiểm khác với bảng câu hỏi. Bảng câu hỏi gồm hàng loạt các câu hỏi đã được chuẩn kỹ từ trước.

Bảng kiểm kê là gì? Là danh sách các vấn đề và câu hỏi hướng dẫn quá trình phỏng vấn bán cấu trúc. Các bảng kiểm khác nhau về nội dung và số lượng, tùy vào mục đích và loại thông tin người phỏng vấn muốn thu thập. Cần chuẩn bị các bảng kiểm khác nhau cho các loại thành viên thị trường khác nhau bởi mỗi loại thành viên thị trường chỉ biết về một số vấn đề cụ thể tùy thuộc vào vị trí và chức năng của họ trong hệ thống marketing

Khả năng thu thập thông tin từ các thương nhân, chủ cơ sở chế biến và các thành viên thị trường khác phụ thuộc vào kỹ năng giao tiếp và kỹ năng phỏng vấn của cán bộ khuyến nông. Phải lấy được niềm tin của người cung cấp thông tin bằng cách tạo ra một môi trường thân thiện và thoải mái khi gặp gỡ phỏng vấn và trao đổi với họ. Khả năng khuấy động một buổi thảo luận công khai là rất quan trọng để thu thập được những thông tin đúng.

Không phải ai cũng có các kỹ năng phỏng vấn cần thiết. Các kỹ năng này chỉ có thể đạt được qua trải nghiệm và thực hành. Hộp dưới đây cung cấp một số gợi ý về kỹ năng lắng nghe và thăm dò có thể áp dụng khi phỏng vấn các thành viên thị trường. Nên sử dụng những gợi ý này thường xuyên như một bảng kiểm cho kỹ năng phỏng vấn. Thực hành và áp dụng các gợi ý đó sẽ giúp cán bộ khuyến nông quen thuộc với các kỹ năng phỏng vấn người cung cấp thông tin.

Quan sát trực tiếp cũng là một phương pháp thu thập thông tin quan trọng và nên sử dụng cùng với phỏng vấn bán cấu trúc. Có thể biết được

rất nhiều thông qua quan sát. Ví dụ, khi tới các khu chợ, có thể quan sát các loại giống và chất lượng của các sản phẩm được mua bán, kiểm tra các phương thức sau thu hoạch được áp dụng, kiểm chứng phương tiện vận chuyển người nông dân và thương nhân sử dụng, ước tính số lượng và loại người cung cấp và người mua, xác nhận thời điểm mua bán cao điểm hoặc thời điểm ít mua bán nhất, ước tính khối lượng hàng được mua bán, v.v..

Quan sát trực tiếp là gì ?

Thu thập các thông tin định tính thông qua quan sát

Khi tham quan các cơ sở thương nhân hoặc cơ sở chế biến, có thể quan sát được những phương tiện lưu kho, kiểm tra các loại trang thiết bị và khả năng chế biến, đánh giá kịp thời công suất chế biến.

Một số gợi ý khi phỏng vấn các thành viên thị trường

- Có thái độ thân thiện và thoải mái
- Tiếp xúc bằng mắt
- Hỏi các câu hỏi trực tiếp, đơn giản và rõ ràng
- Tránh định hướng câu trả lời khi đưa ra câu hỏi
- Sử dụng các câu hỏi bắt đầu bằng “cái gì, khi nào, ở đâu, tại sao, như thế nào và bao nhiêu” để thăm dò thông tin
- Nên đưa ra các câu hỏi nhạy cảm vào phút chót
- Bày tỏ sự quan tâm và chú ý vào những gì mà người cung cấp thông tin đang nói
- Làm cho người cung cấp thông tin nghĩ rằng họ là chuyên gia
- Không ngắt lời người cung cấp thông tin
- Giữ yên lặng để khuyến khích người cung cấp thông tin nói
- Thường xuyên bày tỏ sự đồng tình hoặc tán phục
- Làm rõ thông tin khi cần thiết
- Diễn giải lại thông tin để đảm bảo bạn hiểu đúng thông điệp từ người cung cấp thông tin
- Đặt câu hỏi với người cung cấp thông tin khi bạn nghi ngờ về độ chính xác của thông tin được cung cấp (ví dụ: đưa ra ví dụ về các thông tin đối lập được thu thập từ các nguồn khác)
- Ghi chép các thông tin chính hoặc ghi âm buổi phỏng vấn
- Tránh phỏng vấn/thảo luận dài (không nên kéo dài quá 30 phút): các thành viên thị trường là những người rất bận
- Tạo cơ hội cho người cung cấp thông tin đưa ra các câu hỏi (lúc ban đầu,

trong và sau khi phỏng vấn)

1.2 Xử lý và phân tích thông tin

Hầu hết nông dân đều gặp khó khăn trong việc phân tích thông tin thị trường và đánh giá đúng về giá trị mà thông tin thị trường đóng góp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của họ. Chương này đề xuất một số phương thức xử lý và phân tích thông tin thị trường giúp nông dân sử dụng chúng hiệu quả hơn.

1.2.1 Phân tích chuỗi cung ứng

Sơ đồ về chuỗi cung ứng là bước khởi đầu trong phân tích thông tin thị trường. Sơ đồ và hình vẽ được sử dụng để thể hiện một lượng thông tin đáng kể về các chuỗi cung ứng, là cơ sở để thảo luận và diễn giải các thông tin. Những công cụ này giúp nông dân trực tiếp quan sát những gì đang diễn ra trong hệ thống marketing– dòng sản phẩm, kênh phân phối, người mua, hoạt động marketing, giá dọc theo chuỗi, v.v...

Nên mời một số thương nhân và chủ cơ sở chế biến tham gia vào việc xây dựng và thảo luận chuỗi cung ứng bởi họ có thể cung cấp một số thông tin cụ thể. Sự tham gia của họ cũng tạo cơ hội để kết nối nông dân và thương nhân địa phương.

Sau khi xây dựng và phân tích sơ đồ chuỗi cung ứng cho một sản phẩm cụ thể, nên lặp lại bài tập này và yêu cầu nông dân, các trung gian địa phương tự xác định vị trí mà họ mong muốn đạt được trong tương lai. Điều này giúp họ đưa ra những thay đổi cần thiết trong sản xuất và marketing.

Vẽ một sơ đồ chuỗi cung ứng tốn khá nhiều thời gian. Trước khi cán bộ khuyến nông và nông dân bắt tay vào lập sơ đồ chuỗi cung ứng cho một sản phẩm cụ thể, họ nên tham khảo thông tin từ các trung gian thị trường. Tuy nhiên, khi hoàn thiện, sơ đồ có thể được cập nhật hàng năm nhằm phản ánh và trao đổi những thay đổi trong hệ thống marketing.

1.3 Phân tích SWOT

SWOT được dùng để phân tích *điểm mạnh, điểm yếu* của các hoạt động kinh doanh nông nghiệp tại một khu vực cụ thể cũng như các *cơ hội* và *các mối đe dọa* mà nông dân có thể gặp phải. Phân tích SWOT được tiến hành cho các sản phẩm hiện tại hoặc các sản phẩm mới. Mặc dù phân tích thông tin thị trường là cần thiết, nhưng cũng cần phải xem xét các thông tin liên quan đến điều kiện sản xuất tại địa phương và các đặc điểm kinh tế xã hội của nông hộ.

Phân tích SWOT giúp nông dân xây dựng chiến lược sản xuất và marketing dựa trên các điểm mạnh và các cơ hội họ có và thực hiện nhiều hoạt động khác để khắc phục các điểm yếu và giảm thiểu các rủi ro có thể gặp phải.

Nó cũng giúp cho cán bộ khuyến nông xác định các lĩnh vực nông dân cần giúp đỡ.

Khi phân tích SWOT cần chú ý phân biệt giữa các yếu tố bên trong (điểm mạnh và điểm yếu) và các yếu tố bên ngoài (cơ hội và đe dọa):

Các yếu tố bên trong: như kỹ năng và kiến thức của nông dân, khả năng tiếp cận của họ tới các mạng lưới tài chính và xã hội, điều kiện sinh thái nông nghiệp và khoảng cách giữa nông trại và đường giao thông hoặc chợ.

Các yếu tố bên ngoài: bao gồm công nghệ, điều kiện và xu thế cầu, cạnh tranh từ các khu vực khác, khung chính sách pháp luật.

Bảng dưới đây cung cấp một số câu hỏi mà người trồng rau có thể sử dụng khi phân tích SWOT.

Điểm mạnh

- Điểm mạnh của người nông dân là gì?
- Họ làm tốt được cái gì?
- Các nguồn lực họ có là gì?
- Những điểm gì của họ được người khác (đặc biệt là người mua) coi là điểm mạnh?

Điểm yếu

- Họ có thể cải thiện được những gì?
- Những điều gì họ làm chưa tốt?
- Những điểm gì của họ mà người khác (đặc biệt là người mua) coi là điểm yếu?

Cơ hội

- Liệu địa điểm, điều kiện khí hậu đất đai, các công nghệ hiện có, các điều kiện cung cầu hiện hành có tạo ra các cơ hội tốt nào cho nông dân không?
- Liệu có xu thế nào tạo ra các cơ hội tốt không? (ví dụ: sự thay đổi về công nghệ, thay đổi về cầu, thay đổi về chính sách và các quy định, v.v...)

Mối đe dọa

- Các điểm yếu của họ có tạo ra mối đe dọa nào không?
- Các xu thế công nghệ, cung, cầu và chính sách có đe dọa tới sức cạnh tranh của người nông dân địa phương không?
- Có một số nguyên tắc mà nông dân cần tuân theo khi phân tích SWOT:

Một số gợi ý khi tiến hành phân tích SWOT

- Cụ thể, tránh nhập nhằng.
- Phải thực tế khi đánh giá về các điểm mạnh và điểm yếu.

- So sánh quan điểm của nông dân với quan điểm của những người mua Người mua đánh giá như thế nào về điểm mạnh và điểm yếu của ngư nông dân địa phương?
- Luôn phân tích điểm mạnh và điểm yếu của nông dân với đối thủ cạnh tranh. Lĩnh vực nào tốt hơn (điểm mạnh) và yếu kém hơn (điểm yếu) so với đối thủ cạnh tranh?
- Tham khảo ý kiến của thương nhân và chủ cơ sở chế biến nông sản trước khi đánh giá các cơ hội và các mối đe dọa.
- Xem xét hiện trạng và tương lai ngắn, trung và dài hạn của nông dân địa phương
- Phân tích SWOT phải ngắn và đơn giản.

1.4 Phân tích xu thế giá

Như đã trình bày ở mục 1, nắm bắt được diễn biến giá là rất quan trọng để quyết định sản xuất cái gì và sản xuất bao nhiêu. Biết được giá đã thay đổi như thế nào và lý do dẫn tới xu thế đó có thể giúp nông dân dự đoán được giá trong tương lai.

Để phân tích được diễn biến giá cả và dự đoán xu thế giá trong tương lai, nông dân phải có được các thông tin về cung và cầu. Vì vậy, khi thu thập thông tin về giá, cán bộ khuyến nông cũng cần thu thập thông tin liên quan đến cung và cầu.

Đối với cùng một mặt hàng, có thể có sự khác biệt lớn trong xu thế giá ở từng phân đoạn thị trường, ví dụ giữa cà phê đặc sản và cà phê thị trường hay giữa giá rau bình thường và rau má không phun thuốc trừ sâu. Ngoài ra cũng có sự khác biệt lớn về giá đối với các loại giống khác nhau, ví dụ như quả và rau. Trong trường hợp đó, nên dựa trên những dữ liệu cần thiết sẵn có để tiến hành phân tích theo phân đoạn thị trường hoặc theo giống.

Để nắm bắt các thông tin và dữ liệu về giá những năm trước, chẳng hạn trong vòng năm năm trở lại đây, người trồng rau cần chú ý tới một số phương pháp:

Hệ thống thông tin thị trường: Có thể lấy thông tin từ các bản tin hoặc yêu cầu cán bộ đang làm việc tại các ban thông tin thị trường cấp tỉnh và quốc gia cung cấp. Khi tiến hành phân tích giá, cán bộ khuyến nông có thể nắm bắt được xu thế cung cầu từ những nguồn này.

Thương nhân và chủ cơ sở chế biến: Các công ty thường ghi lại giá cả từng mặt hàng trong từng năm. Thương nhân và chủ cơ sở chế biến có thể không ghi chép cụ thể về giá cả, nhưng họ lại có khả năng dự đoán xu thế giá và cung cấp những thông tin hữu ích về xu hướng cung và cầu.

Nhà nghiên cứu thị trường: Nhà nghiên cứu thị trường cũng có khả năng cung cấp dữ liệu và phân tích xu thế giá.

Các nguồn khác: Đôi khi người trồng rau có thể tiếp cận thông tin về

xu thế thị trường từ các tạp chí chuyên ngành, trong đó có đề cập đến các vấn đề kinh tế và nông nghiệp, lịch phát sóng các chương trình truyền hình và phát thanh, và thậm chí là thông tin về một số tờ báo.

Trước khi tiến hành phân tích xu thế giá, cần phải xử lý số liệu về diễn biến giá trong những năm qua:

Để thuận tiện cho phân tích xu thế giá, cán bộ khuyến nông nên chuyển đổi mức giá bán lẻ trung bình theo tuần sang theo tháng. Tương tự như vậy, có thể tính giá trung bình theo năm nếu có số liệu giá trung bình hàng tháng của nhiều năm.

Đối với các sản phẩm có giá tăng lên, nên sử dụng giá thực chứ không phải giá thị trường. Tức là, nên lấy mức giá trên thị đã chiết khấu lạm phát

Cần tính sự thay đổi của giá qua các giai đoạn theo số liệu tuyệt đối hoặc theo phần trăm. Điều này sẽ giúp cán bộ khuyến nông và nông dân có cái nhìn rõ hơn về sự thay đổi của giá.

Dữ liệu thu thập hầu như đã được xử lý trước đó. Nếu chưa thì người trồng rau cần phải xử lý độc lập, hoặc hợp tác với thương nhân, chủ cơ sở chế biến. Cán bộ thuộc trung tâm khuyến nông hoặc sở nông nghiệp tỉnh có thể hỗ trợ việc xử lý dữ liệu.

Biểu đồ là một công cụ hữu ích để trình bày và thảo luận xu thế giá. Đôi khi, thông tin thu thập được thể hiện dưới dạng biểu đồ. Nếu không, cán bộ khuyến nông, với sự tham gia của nông dân, các thương nhân và chủ cơ sở chế biến, nên xây dựng biểu đồ giá này.

Các câu hỏi cần được trả lời khi phân tích xu thế giá

Diễn biến giá trong những năm trước đây

1. Trong 3 đến 5 năm qua, giá tăng lên hay giảm xuống?
2. Tăng hay giảm bao nhiêu?
3. Xu thế này ổn định hay mang tính chu kỳ?
4. Giá có dao động nhiều từ năm này qua năm khác không?

Xu thế cung và cầu

5. Các yếu tố cung và cầu nào dẫn tới xu thế giá như vậy?
6. Những điều kiện này sẽ giữ nguyên hay có thể thay đổi trong những năm tới không?

Xu thế giá tương lai

7. Dựa trên những dự đoán về thay đổi cung và cầu, giá trong tương lai có thể thay đổi như thế nào, và tại sao?
8. Những thay đổi về cung và cầu được dự đoán như thế nào và tại sao?

1.5 Phân tích mùa vụ của giá

Nếu không tính toán được lợi nhuận mà mình có thể thu được, nông dân không thể đưa ra quyết định cung cấp cho thị trường trong thời kỳ trái vụ hay không:

Thông tin giá cả trong từng mùa và từng thời kỳ khác nhau trong một năm (thông tin sản xuất hay chi phí kho bãi) là rất cần thiết.

So sánh giữa lợi nhuận thu được từ việc sản xuất trái vụ hoặc kho bãi và đầu tư luân phiên cũng rất có ích.

Tính mùa vụ của giá có thể thay đổi qua các năm do sự thay đổi của các điều kiện cung và cầu. Có lúc những thay đổi này là tạm thời như trong trường hợp thu hoạch rộ hoặc đôi khi sự thay đổi lâu dài như trong trường hợp xuất hiện khu vực cung cấp mới hoặc chuyển đổi từ canh tác một vụ sang hai vụ.

Các câu hỏi gợi ý khi phân tích tính mùa vụ của giá

1. Giá có xu thế thấp nhất vào giai đoạn nào trong năm? Các yếu tố cung và cầu nào đứng sau hiện tượng này?

2. Giá thường cao vào những giai đoạn nào trong năm? Các yếu tố cung và cầu nào đứng sau hiện tượng này?

3. Trong vòng 3 năm qua, có sự khác biệt đáng kể nào về tính mùa vụ của giá không? Nếu có, tại sao?

4. Tính mùa vụ của giá có thay đổi theo thời điểm không? Thay đổi như thế nào?

5. Những yếu tố cung và cầu nào ảnh hưởng tới sự thay đổi này?

6. Sự khác biệt về giá giữa các mùa trong năm có lớn không? Sự chênh lệch giữa mức giá thấp nhất và cao nhất trong năm?

7. Sản xuất trái vụ ở địa phương có đem lại lợi nhuận không? Lợi nhuận là bao nhiêu?

8. Lưu kho để bán trong thời kỳ trái vụ có khả thi và đem lại lợi nhuận cho nông dân và thương nhân không? Lợi nhuận là bao nhiêu?

2. Quy trình và cách thức thực hiện công việc

Bước 1: Thu thập thông tin

Lựa chọn nguồn thu thập thông tin về thị trường ngô

Những nguồn thông tin chủ yếu

Sử dụng công cụ và phương pháp sử dụng thông tin

Bước 2: Xử lý và phân tích thị trường ngô

Lựa chọn 1 trong những cách sau để xử lý và phân tích thị trường ngô

Phân tích chuỗi cung ứng (sơ đồ và hình vẽ)

Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và đe dọa (SWOT)

Phân tích xu thế giá (biểu đồ và bảng)

Phân tích tính mùa vụ của giá (biểu đồ và bảng)

3. Bài tập và sản phẩm thực hành của học viên

Thu thập thông tin

4. Đánh giá kết quả học tập theo mục tiêu và tiêu chuẩn thực hiện công việc

Tiêu chí đánh giá

Cách thức đánh giá

BÀI 2: CÁC LOẠI GIỐNG NGÔ

Mã bài: M1– 02

Mục tiêu:

- Xác định được các loại giống ngô
- Liệt kê được các giống ngô đang dùng phổ biến trong sản xuất
- Phân tích và xác định được sự phù hợp của giống với điều kiện sản xuất
- Lựa chọn được giống cần trồng
- Xác định được các cơ sở sản xuất và bán giống
- Tính toán được lượng giống ngô cần mua

A. Nội dung

II. Một số giống ngô phổ biến ở Việt Nam

1. Giống lai đơn LVN10

Nguồn gốc :

- Tác giả và cơ quan tác giả : GS.TSKH Trần Hồng Uy, GS.TS Ngô Hữu Tinh, TS. Phan Xuân Hào và CTV – Viện Nghiên Cứu Ngô
- Nguồn gốc và phương pháp : LVN-10 là giống ngô lai đơn được tạo ra từ các dòng tự phối DF2/DF1 do Viện nghiên cứu
- LVN10 được công nhận là giống tiến bộ kỹ thuật tháng 8 năm 1994

Đặc điểm của giống

- Thời gian sinh trưởng: trung bình muộn
 - * Vụ Xuân : 120 - 135 ngày.
 - * Vụ Thu : 95 - 100 ngày.
 - * Vụ Đông : 110 - 125 ngày.
- Màu dạng hạt: Bán đá vàng cam
- Cao cây : 200 ± 20 cm.
- Cao đống bắp : 100 ± 10 cm.
- Dài bắp : 20 ± 4 cm
- Số hàng hạt/bắp : 10 - 14 hàng.
- Tỷ lệ hạt/bắp: 82-84%
- Trọng lượng 1000 hạt: 330 gr

- Tỷ lệ cây 2 bắp: 50-80%
(nếu trồng xen tỷ lệ cao hơn)
- Lá bi bọc kín, chắc, mỏng
- Tiềm năng năng suất: 8-12 tấn/ha

Thời vụ gieo trồng và yêu cầu kỹ thuật

LVN10 thích ứng với mọi vùng sinh thái trong cả nước. Riêng vụ Đông ở miền Bắc cần kết thúc gieo trước 5/9. Mật độ phù hợp 5,7 -6,5 vạn cây/ha. Phân bón : Phân Urea : 350-400 kg; Phân super lân : 500 - 600 kg ; Phân Kali: 150 kg



Hình 2.1: Giống ngô lai đơn LVN 10

2. Giống lai đơn LVN 4

Nguồn gốc :

- Tác giả và cơ quan tác giả : TS. Phan Xuân Hào, GS.TSKH Trần Hồng Uy và CTV – Viện Nghiên cứu Ngô
- Nguồn gốc và phương pháp: LVN4 là giống ngô lai đơn được tạo ra từ 2 dòng tự phối
- LVN4 được công nhận giống quốc gia theo Quyết định số 1659/QĐ/BNN-KHCN ngày 13/5/1999

Đặc điểm của giống

- Thời gian sinh trưởng: Giống trung bình sớm,
- + Vụ Xuân: 118 - 120 ngày

- + Vụ Thu Đông: 90 - 110 ngày
- + Vụ Hè Thu: 85 - 90 ngày
- Cao cây: 170 - 200cm
- Cao đống bắp: 80 - 100cm
- Dạng, màu hạt: Bán đá, màu da cam.
- Dài bắp: 17 - 22cm
- Đường kính bắp: 4,5 - 5,5 cm
- Số hàng hạt: 12 - 14 hàng
- Số hạt/ hàng: 35 - 48 hạt
- Tỷ lệ hạt/ bắp: 84 - 85%
- Khối lượng 1000 hạt: 350 - 380 g
- Tiềm năng năng suất: 8 - 10 tấn/ha.

Thời vụ gieo trồng và yêu cầu kỹ thuật:

Ở miền Bắc phù hợp với vụ Đông trên đất sau 2 vụ lúa, kết thúc trồng trước 30/9. Mật độ phù hợp 6,0 -6,7 vạn cây/ha. Phân bón : Phân Urea :350 - 400 kg; Phân super lân : 500 kg ; Phân Kali: 120 - 150 kg



Hình 2.2: Giống lai đơn LVN 4

3. Giống lai đơn LVN 99

Nguồn gốc :

-Tác giả và cơ quan tác giả: GS.TS Ngô Hữu Tinh, KS. Lưu Phúc Sắt, KS. Tạ Duy Mạnh và CTV- Viện Nghiên Cứu Ngô

- Nguồn gốc và phương pháp: Là giống lai đơn có các dòng được rút từ các giống lai ưu tú nhập nội có nguồn gốc nhiệt đới
- LVN99 được công nhận giống quốc gia theo Quyết định 2182 QĐ/BNN-KHCN ngày 29 tháng 7 năm 2004

Đặc điểm của giống

- Thời gian sinh trưởng: Giống được xếp vào nhóm ngô ngắn ngày
- + Vụ Xuân: 115 - 120 ngày;
- + Vụ Hè - Thu: 90 - 95 ngày;
- + Vụ Thu Đông: 95 -105 ngày.
- Chiều cao cây: 205 cm \pm 5 cm
- Chiều cao đóng bắp: 95 cm \pm 5 cm
- Chiều dài bắp: 18 - 20cm
- Đường kính bắp: 4,3 - 4,8 cm
- Số hàng/ bắp: 14 - 16 hàng.
- Số hạt/ hàng: 38 - 45 hạt
- Khối lượng 1000 hạt: 350 - 370 gam
- Tiềm năng năng suất: 9 - 12 tấn/ha.

Thời vụ gieo trồng và yêu cầu kỹ thuật :

LVN99 thích hợp với nhiều vùng sinh thái, đặc biệt cho vụ Xuân, vụ Thu, vụ Đông ở đồng bằng Bắc bộ và vụ Hè - Thu, Thu - Đông miền núi. Mật độ phù hợp 6,0 -6,7 vạn cây/ha. Phân bón : Phân Urea : 350-400 kg; Phân super lân : 500 kg ; Phân Kali: 150 kg



Hình 2.3: Giống lai đơn LVN 99

4. Giống ngô nếp VN 2

Nguồn gốc :

- Tác giả và cơ quan tác giả : GS.TSKH Trần Hồng Uy, TS. Phan Xuân Hòa và CTV

- Nguồn gốc và phương pháp: Được chọn lọc từ các giống ngô nếp S2, nếp Tây Ninh, nếp Quảng Nam – Đà Nẵng và nếp Thanh Sơn.

-VN 2 được công nhận giống quốc gia theo Quyết định số 1224 QĐ/BNN-KHCN ngày 21 tháng 4 năm 1998

Đặc điểm nông sinh học :

VN 2 có thời gian sinh trưởng cực ngắn trong vụ Hè ở miền Bắc chỉ có hơn 70 ngày và vụ Xuân từ 95-100 ngày từ mọc đến chín, nếu thu bắp tươi thì chỉ có từ 65 - 70 ngày.

VN 2 có màu trắng đục, dẻo thơm, rất phù hợp với mục đích ăn tươi, luộc hoặc nướng. Hàm lượng Prôtêin trong nội nhũ rất cao -10,56% chất khô, đặc biệt là hàm lượng Lysine đến 4,86% tổng số Prôtêin, cao hơn hẳn các giống nếp và tẻ thông thường.

Thời vụ gieo trồng và yêu cầu kỹ thuật

VN-2 trong cơ cấu luân canh với cây trồng khác.

- *Lúa Xuân - Lúa mùa chính vụ - Ngô nếp VN2*: ở các vùng Nam Hà, Thái Bình(do cây lúa mùa chính vụ), Khu 4 cũ(do mùa mưa kết thúc muộn) nếu trồng ngô tẻ lấy hạt thường năng suất thấp hoặc không chín kịp khi cây lúa Xuân.

- *Lúa Xuân - Ngô Nếp VN2 Ngô lai dài ngày lấy hạt*: Với vùng trồng lúa mùa bắp bênh do không chủ động nước tưới.

- *Ngô nếp VN2 (xuân) - Lúa mùa*: Với vùng núi lâu nay bỏ hoá vụ Xuân và chỉ cấy lúa Mùa.

- *Ngô nếp VN-2 - Mạ mùa - Lúa mùa - Ngô (rau, đậu) đông*.

- *Lúa Xuân - Lúa Mùa - Ngô nếp VN2 - Mạ Xuân*;

- Trong các công thức trên VN-2 có thể lấy hạt khô hoặc thu bắp tươi, có thể trồng thuần hoặc trồng xen. Mật độ phù hợp 5,5 -6,0 vạn cây/ha. Phân bón : Phân Urea : 300-350 kg; Phân super lân : 450 kg ; Phân Kali: 120 kg. Cách xa ruộng ngô tẻ 300-500m



Hình 2.4: Giống ngô nếp VN 2

5. Giống ngô lai VN8960

Nguồn gốc :

- Tác giả và cơ quan tác giả: TS. Mai Xuân Triệu và CTV – Viện Nghiên cứu Ngô
- Nguồn gốc và phương pháp: VN 8960 là giống lai đơn, có dòng mẹ là 21 CM của CIMMYT và dòng bố được rút ra từ các giống ngô lai nhập nội.
- VN8960 được công nhận giống quốc gia theo Quyết định số 2182 QĐ/BNN-KHCN ngày 27 tháng 7 năm 2004.

Đặc điểm của giống

- VN 8960 là giống ngô lai đơn chịu hạn thuộc nhóm có thời gian sinh trưởng trung bình sớm:
 - + Vụ Hè Thu: 85-90 ngày
 - + Vụ Xuân Hè: 115 - 120 ngày
 - + Vụ Đông Xuân: 110-125 ngày
- Hạt vàng đá, màu vàng cam đẹp, đáp ứng thị hiếu người tiêu thụ.
- Khi chín lá bị vàng nhưng thân và lá vẫn xanh.
- Chịu hạn rất tốt, lá bị mỏng và bọc kín bắp.
- Cho năng suất từ 7 - 9 tấn/ ha và ổn định ở các mùa vụ và các vùng sinh thái.

Thời vụ gieo trồng và yêu cầu kỹ thuật:

Giống VN8960 phù hợp với điều kiện sinh thái Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và miền núi phía Bắc. Vụ Hè Thu gieo cuối tháng 4 đầu tháng 5, Vụ Thu Đông gieo cuối tháng 8 và vụ Đông Xuân gieo cuối tháng 11 đầu tháng 12. Mật độ phù hợp 5,7 -6,5 vạn cây/ha. Phân bón : Phân Urea : 400 kg; Phân super lân : 500 kg ; Phân Kali: 150 kg



Hình 2.5: Giống ngô lai 8950

6. LVN 145

Nguồn gốc :

- Tác giả và cơ quan tác giả:

TS. Bùi Mạnh Cường, GS.TS Ngô Hữu Tình và CTV- Viện Nghiên cứu Ngô

- Nguồn gốc và phương pháp: Là giống lai đơn sử dụng một dòng từ nuôi cấy bao phấn

- LVN145 được công nhận là giống cây trồng mới theo Quyết định số 2881 /QĐ-BNN-TT ngày 2/10/2007

Những đặc tính chủ yếu

- Thời gian sinh trưởng :LVN145 có thời gian sinh trưởng trung bình 95-110 ngày chiều cao cây 190-200 cm, chiều cao đòng bắp 90-100 cm, chiều dài bắp 18-20 cm, đường kính bắp 4,5-5,0 cm, số hàng hạt 12- 14, số hạt/hàng 35 – 40 hạt, khối lượng 1000 là 300 – 310g, tỷ lệ hạt/bắp 78-79%; cho năng suất cao (7,0- 9,0 tấn/ha) chống chịu tốt.

Thời vụ gieo trồng và yêu cầu kỹ thuật :

LVN145 thích hợp với nhiều vùng sinh thái, đặc biệt cho vụ Xuân, vụ Thu, vụ Đông ở đồng bằng Bắc bộ và vụ Hè - Thu, Thu - Đông miền núi. Mật độ phù

hợp 6,0 -6,7 vạn cây/ha. Phân bón : Phân Urea : 400 kg; Phân super lân : 500 kg ; Phân Kali: 150 kg



Hình 2.6: Giống ngô LVN 145

7. Giống ngô lai LVN 885

Nguồn gốc:

- Tác giả và cơ qua tác giả: TS. Bùi Mạnh Cường, GS.TS. Ngô Hữu Tinh và CTV-Viện Nghiên Ngô
- Nguồn gốc và phương pháp: Là giống lai đơn, sử dụng hai dòng. Có thời gian sinh trưởng ngắn
- LVN885 được công nhận cho sản xuất thử Quyết định số 2881 /QĐ-BNN-TT ngày 2/10/2007

Đặc điểm chính của giống

- Chín sớm (thời gian sinh trưởng 95 - 105 ngày).
- Năng suất cao, ổn định (8 - 10 tấn/ha).
- Bắp to, cùi nhỏ, hạt sâu cay, màu vàng cam. Đóng bắp đầy, lá bi bao kín bắp;
- Chịu hạn tốt, kháng bệnh. Khả năng thích ứng rộng

Thời vụ gieo trồng và yêu cầu kỹ thuật

LVN885 thích hợp với nhiều vùng sinh thái, đặc biệt cho vụ Xuân, vụ Thu, vụ Đông ở đồng bằng

Bắc bộ và vụ Hè - Thu, Thu - Đông miền núi. Mật độ phù hợp 6,0 -6,7 vạn cây/ha. Phân bón : Phân Urea : 350-400 kg; Phân super lân : 500-600 kg ; Phân Kali: 150 kg



Hình 2.7: Giống ngô lai LVN 885

8. Giống ngô lai LVN 45(ĐP 5)

Nguồn gốc:

- Tác giả và cơ quan tác giả : ThS. Lê Văn Hải, KS. Nguyễn Đức, KS. Nguyễn Văn Tiến và CTV – Viện Nghiên cứu Ngô.

-Nguồn gốc và phương pháp : Là giống lai đơn từ 2 dòng tự phối

- LVN45 được công nhận giống cây trồng mới theo Quyết định số 191/QĐ-TT-CLT

ngày 26/8/2008



Hình 2.8. Giống ngô lai LVN 45(ĐP 5)

Đặc điểm của giống

- * Trung bình sớm
(thời gian sinh trưởng 100 - 105 ngày).
- * Năng suất cao, ổn định (8 - 10 tấn/ha).
- * Bắp to, hạt sâu cay, màu vàng cam.
- * Đóng bắp đầy, lá bi bao kín bắp;
- * Chịu hạn tốt, kháng bệnh.
- * Khả năng thích ứng rộng.

Thời vụ gieo trồng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp với vụ Thu Đông vùng đồng bằng, vụ Hè Thu ở miền núi. Mật độ phù hợp 5,7 -6,7 vạn cây/ha. Phân bón : Phân Urea : 400-450 kg;

Phân super lân: 500-550 kg ; Phân Kali: 150 kg

9. Giống lai đơn LVN14**Nguồn gốc :**

- Tác giả và cơ quan tác giả :

TS. Phan Xuân Hào và CTV - Viện Nghiên Cứu Ngô

-Nguồn gốc và phương pháp: Là giống lai đơn từ 2 dòng DF4 và CML161 qua thí nghiệm lai đỉnh

-LVN14 được phép sản xuất thử theo Quyết định số 2881/QĐ-BNN-TT ngày 2/10/2007.

Những đặc điểm chính: LVN 14 có thời gian sinh trưởng trung bình: Vụ Xuân 120-125 ngày; Vụ Hè Thu 90-100 ngày; chiều cao cây 200-220 cm, chiều cao đóng bắp 100-110 cm, chiều dài bắp 18-20 cm, đường kính bắp 5,0-5,5 cm , số hàng hạt 14, số hạt/hàng 35 – 38 hạt, khối lượng 1000 hạt là 330 – 350g, tỷ lệ hạt/bắp 78-80%; cho năng suất cao (8- 12 tấn/ha) chống chịu tốt, đặc biệt chịu hạn và chống đổ.

Thời vụ gieo trồng và yêu cầu kỹ thuật:

Trồng được trong tất cả các vụ ngô chính trên cả nước (Vụ Đông ở Miền Bắc làm bầu hết 30 tháng 9). Mật độ, khoảng cách: mật độ 6,0-6,7 vạn cây/ha (Khoảng cách gieo trồng 60×25-28cm/cây).Phân bón cho 1 ha: 10-15 tấn phân chuồng, 300-400 kg urê + 500-600 kg lân super +120-150 kg kali clorua.



Hình 2.9: Giống lai đơn LVN14

10. Giống lai đơn LVN184

Nguồn gốc :

- Tác giả và cơ quan tác giả :

TS. Phan Xuân Hào và CTV - Viện Nghiên Cứu Ngô

-Nguồn gốc và phương pháp: Là giống lai đơn từ 2 dòng DF4 và DF18 theo phương pháp truyền thống

-LVN184 được phép sản xuất thử theo Quyết định số 215 /QĐ-TT-CLTngày 2/10/2008.

Những đặc điểm chính

LVN 184 có thời gian sinh trưởng ngắn 90-110 ngày, thấp cây, lá đứng, chịu hạn, chống đổ khá, ít nhiễm sâu bệnh, bộ lá xanh bền, bắp chắc, kín lá bi, hạt răng ngựa, tỉ lệ hạt cao cho năng suất cao (7- 11 tấn/ha) chống chịu tốt.

Thời vụ gieo trồng và yêu cầu kỹ thuật :

Trồng được trong tất cả các vụ ngô chính trên cả nước (Vụ Đông ở Miền Bắc làm bầu đến 5/10). Mật độ, khoảng cách: mật độ 6,5-7,1 vạn cây/ha (Khoảng cách gieo trồng 60×20-25 cm/cây).Phân bón cho 1 ha: 10-15 tấn phân chuồng, 300-400 kg urê + 500-600 kg lân super +120-150 kg kali clorua.



Hình 2.10: Giống lai đơn LVN184

11. Giống lai đơn LVN37

Nguồn gốc :

- Tác giả và cơ quan tác giả : KS. Nguyễn Thanh Khiết và CTV - Viện Nghiên Cứu Ngô
- Nguồn gốc và phương pháp : Là giống ngô lai đơn từ 2 dòng có nguồn gốc nhiệt đới
- LVN37 được phép sản xuất theo Quyết định số 193 QĐ-TT-CLT ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Cục trưởng Cục Trồng trọt

Những đặc điểm chính :

- Thời gian sinh trưởng :LVN 37 có thời gian sinh trưởng trung bình: Vụ Xuân 110-120 ngày; Vụ Hè Thu 85-95 ngày; Vụ Đông 110 ngày chiều cao cây 190-200 cm, chiều cao đóng bắp 90-100 cm, chiều dài bắp 18-20 cm, đường kính bắp 4,5-5,0 cm, số hàng hạt 12- 14, số hạt/hàng 35 – 40 hạt, khối lượng 1000 hạt là 320 – 340g, tỷ lệ hạt/bắp 78-79%; cho năng suất cao (7,5- 9,5 tấn/ha) chống chịu tốt.

Thời vụ gieo trồng và yêu cầu kỹ thuật:

LVN 37 có thể trồng được ở tất cả các vụ ngô chính trong năm, nhưng cho năng suất cao nhất là trong các vụ Đông và Thu - Đông. Vụ Đông ở đồng bằng Bắc bộ nên kết thúc gieo trồng trước 30/9. Mật độ, khoảng cách: mật độ 5,5-5,7 vạn cây/ha (Khoảng cách gieo trồng 70×25-28cm/cây).Phân bón cho 1 ha: 10-15 tấn phân chuồng, 300-400 kg urê + 500-600 kg lân super +120-150 kg kali clorua.



Hình 2.11: Giống lai đơn LVN37

12. Giống ngô nếp VN6

Nguồn gốc :- Tác giả và cơ quan tác giả :TS. Phan Xuân Hào và CTV - Viện Nghiên cứu Ngô

- Nguồn gốc và phương pháp: Là giống thụ phấn tự do được tạo ra từ tổ hợp lai giữa ngô nếp VN2 và giống Định nếp 48 của Trung Quốc

- VN6 được công nhận giống cây trồng mới theo Quyết định số 216/QĐ-TT-CLT ngày 2/10/2010 của Cục trưởng Cục Trồng trọt.

Những đặc điểm chính :

+ Về thời gian sinh trưởng: VN6 là giống ngắn ngày

- Nam Trung Bộ 85-95 ngày (tùy vụ), nếu ăn tươi thì 62-65 ngày
- Tại các tỉnh phía Bắc 94-96 ngày, ăn tươi 65-75 ngày.

+ Về năng suất: - Nam Trung Bộ 43-50 tạ/ha, cao nhất đạt 58 tạ/ha

Thời vụ gieo trồng và yêu cầu kỹ thuật:

Qua sản xuất thử VN6 cho năng suất cao ở tất cả các vùng sinh thái trong cả nước. Có thể dùng ăn tươi hoặc thu hạt khô. Trồng thuần hoặc trồng xen đều cho hiệu quả cao

Mật độ phù hợp 5,5 -6,0 vạn cây/ha. Phân bón : Phân Urea : 300-350 kg; Phân super lân : 450 kg ; Phân Kali: 120 kg. Cách xa ruộng ngô tẻ 300-500m



13. Giống ngô LVN66

Nguồn gốc :

- Tác giả và cơ quan tác giả : ThS.Lê Văn Hải, TS. Mai Xuân Triệu, KS. Vũ Thị Hồng

- Nguồn gốc và phương pháp: Là giống lai đơn từ tổ hợp lai D3015M/D11.

- LVN66 được công nhận cho sản xuất thử theo Quyết định 161/ QĐ-TT-CLT ngày 24/6/2009



Hình 2.12: Giống ngô LVN 66

Đặc điểm chính của giống :

Giống có thời gian sinh trưởng trung bình từ 95 – 105 ngày tùy theo mùa vụ

- Hạt dạng bán răng ngựa màu vàng cam đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng.
- Chịu hạn tốt, lá bi mỏng và bọc kín trái
- Cao cây : 190-210 cm
- Cao bắp : 90 – 110 cm
- Dài bắp : 16 – 18 cm
- Đường kính bắp : 4,5 – 5,5 cm
- Số hàng hạt/bắp : 14-16 hàng
- Số hạt/hàng : 36-40 hạt
- P 1000 hạt : 300 – 310 gam
- Cho năng suất từ 8 – 12 tấn/ha, ổn định ở các mùa vụ và các các vùng sinh thái

Thời vụ gieo trồng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp với cả 3 vụ ở Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, vụ Xuân và vụ Đông ở miền Bắc. Mật độ phù hợp từ 6,7 – 7,1 vạn cây/ha, liều lượng phân bón là

- Phân chuồng : 7-10 tấn hoặc bón 2,0 – 2,5 tấn phân hữu cơ vi sinh
- Urea : 350 – 400 kg
- Super lân : 450 – 500 kg
- Kali Clorua : 140 – 160 kg

14. Giống ngô lai LVN9

Nguồn gốc

- Tác giả và cơ quan tác giả: TS. Phan Xuân Hào và CTV- Viện Nghiên cứu Ngô
- Nguồn gốc và phương pháp: giống ngô lai LVN9 là giống ngô lai đơn sử dụng dòng bất dục đực tế bào chất, được tạo ra từ tổ hợp lai DF18C//DF5, trong đó DF18C đã qua 18 đời lai lại.
- Giống ngô lai LVN-9 đã được công nhận tạm thời 2002, công nhận giống quốc gia năm 2004 theo Quyết định số 2182 QĐ/BNN-KHCN ngày 29 tháng 7 năm 2004.

Những đặc tính chủ yếu

Thời gian sinh trưởng phía bắc vụ Xuân 110-112 ngày, vụ Hè thu 90-95 ngày, vụ Đông 100-105 ngày.

Chiều cao cây 170-185 cm, chiều cao đòng bắp 70-75 cm, chiều dài bắp 17-18 cm, đường kính bắp 4,5-5,5 cm, 12-14 hàng, số hạt/hàng 32-35 hạt, tỷ lệ hạt/bắp 80-82%,

khối lượng 1000 hạt là 350-370 gam, màu hạt vàng nhạt, dạng hạt bán răng ngựa, năng suất 60-70 tạ/ha.

Chông chịu sâu bệnh khá, chịu hạn tốt, chống đổ tốt.

Thời vụ gieo trồng và yêu cầu kỹ thuật

LVN-9 thích hợp với các vụ chính trong cả nước, đặc biệt là vụ 2 ở Tây Nguyên, và Tây Bắc, vụ đông ở miền Bắc (có thể làm bầu đến 5/10).

Mật độ, khoảng cách: mật độ 5,5-5,7 vạn cây/ha (Khoảng cách gieo trồng 70×25-28cm/cây).

Phân bón cho 1 ha: 10-15 tấn phân chuồng, 300-400 kg urê + 500-600 kg lân super + 120-150 kg kali clorua.



Hình 2.13: Giống ngô lai LVN9

15. GIỐNG NGŨ LVN61

Nguồn gốc

- Tác giả và cơ quan tác giả : TS. Mai Xuân Triệu và CTV – Viện Nghiên cứu Ngô
- Nguồn gốc và phương pháp : LVN61 là giống lai đơn, dòng mẹ và dòng bố được tạo từ các giống lai ưu tú nhập nội có nguồn gốc nhiệt đới.
- LVN61 được công nhận cho sản xuất thử theo Quyết định số 2881/QĐ-BNN-TT ngày 02 tháng 10 năm 2007.

Những đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng thuộc nhóm chín trung bình sớm. Với các tỉnh phía Nam, vụ hè thu 85 – 90 ngày, vụ thu đông 90 – 95 ngày, vụ đông xuân 95 – 105 ngày. Với các tỉnh phía Bắc, vụ xuân hè 120 – 125 ngày, vụ thu đông 95 – 110 ngày.

Cây cao 190 – 220 cm, chiều cao đống bắp 90 – 105 cm, hạt răng ngựa màu vàng, tỷ lệ hạt trên bắp 78 – 80%, lá bi bọc kín trái. Năng suất 65-90 tạ/ha, trong điều kiện thâm canh ở các tỉnh phía Nam đạt 100-120 tạ/ha. LVN61 thích ứng rộng với điều kiện sinh thái

của các vùng trồng ngô trên cả nước. Tại Trung Quốc, Lào, Campuchia, giống LVN61 cho năng suất 70-95 tạ/ha.

Thời vụ gieo trồng và yêu cầu kỹ thuật

Thời vụ: Gieo vào thời vụ tốt nhất của vùng. Là giống trung bình nên tham gia được nhiều cơ cấu cây trồng có ngô. Để có năng suất cao nên đầu tư thâm canh, mật độ cần đảm bảo 6,6 – 7,1 vạn cây/ha. Khoảng cách gieo trồng: Hàng cách hàng 50 – 60 cm, cây cách cây 25 – 30 cm. Phân bón cho 1 ha: 10-15 tấn phân chuồng, 300-400 kg urê + 500-600 kg lân super + 120-150 kg kali clorua.



Hình 2.14: Giống ngô LVN 61

16. Giống ngô lai LVN98

Nguồn gốc

- Tác giả: Viện Nghiên cứu Ngô.
- Nguồn gốc và phương pháp: Là giống lai đơn giữa dòng DF2 (Viện Nghiên cứu Ngô) và dòng bố CML287 nhập nội từ CIMMYT.
- Giống được công nhận giống quốc gia Quyết định số 2881 QĐ/BNN-TT ngày 2 tháng 10 năm 2007.

Những đặc tính chủ yếu

Thuộc nhóm giống dài ngày có thời gian sinh trưởng ở miền Bắc vụ Xuân 100-125 ngày.

Thân cây to, sinh trưởng khỏe, chiều cao cây trung bình 205-215 cm, chiều cao đòng bắp 105-115 cm, lá xum xuê, xanh đậm. Bắp hình trụ dài 18-20 cm, 12 – 14 hàng hạt, kín lá bi. Tỷ lệ 2 bắp rất cao (trung bình 50-70%), hạt bán đá, màu vàng cam. Năng suất trung bình 55-65 tạ/ha, thâm canh tốt đạt trên 90 tạ/ha.

Chống chịu sâu bệnh hại tốt, đặc biệt là sâu đục thân, chống chịu bệnh khô vằn và đốm lá, chống đổ khá, chịu hạn khá.

Thời vụ gieo trồng và yêu cầu kỹ thuật

Thời vụ: Vụ Xuân gieo vào cuối tháng 1 đầu tháng 2, vụ Thu gieo vào cuối tháng 7 đầu tháng 8.

Vùng/đất gieo trồng: Thích nghi tốt ở vùng Đồng bằng Bắc bộ và miền núi phía Bắc trên đất phù sa ven sông và đất dốc tụ trên các cao nguyên, thung lũng.

Khoảng cách gieo trồng: 70 x 32-35 cm. Phân bón cho 1 ha: 10-15 tấn phân chuồng, 300-400 kg urê + 500-600 kg lân super + 120-150 kg kali clorua.



Hình 2.15: Giống ngô LVN 98

17. Giống ngô Nếp lai số 1

Nguồn gốc :

- Tác giả và cơ qua tác giả : TS. Phan Xuân Hào, ThS. Nguyễn Thị Nhài và CTV – Viện Nghiên Cứu Ngô.
- Nguồn gốc và phương pháp : Là giống lai đơn tạo ra bằng phương pháp truyền thống
- Nếp lai 1 được phép sản xuất thử theo Quyết định số 161 QĐ/TT-CLT ngày 4 tháng 6 năm 2009 của Cục trưởng Cục Trồng trọt

Những đặc tính chủ yếu:

Giống có thời gian sinh trưởng rất ngắn: từ gieo đến thu hoạch bắp tươi khoảng 60 đến 75 ngày, bắp khô khoảng 85 đến 100 ngày tùy thời vụ .

Chiều cao cây : 160 - 190cm; Cao đống bắp thấp: 60 - 85 cm; chiều dài 15 - 18 cm, đường kính : 4,2 - 4,8 cm; số hàng hạt: 14 - 16 hàng. Khả năng chống chịu sâu bệnh và đổ gãy khá. Tiềm năng năng suất cao: bắp tươi 10 - 12 tấn/ha, hạt khô 5,0 - 7,0 tấn/ha.

+ Chất lượng ngon, có vị đậm, dẻo và thơm hơn nhiều giống nếp đang phổ biến.

Thời vụ và yêu cầu kỹ thuật:

Có thể trồng được ở tất cả các vùng, các vụ ngô ở miền Bắc.

- Mật độ: 5,5 – 6,5 vạn cây/ ha. Khoảng cách: Hàng cách hàng: 50-60 cm , cây cách cây: 30-25 cm
- Lượng giống cho 1 ha: gieo thẳng: 12 – 13 kg, làm bầu: 10 kg
- Phòng trừ sâu đục thân trước khi trổ bằng các loại thuốc BVTV thông dụng. Thời điểm thu bắp tươi: khoảng 18 – 22 ngày sau phun râu. Nên chế biến ngay

sau khi thu hoạch để giữ được chất lượng ăn tươi ngon. Phân bón : Phân Urea : 300-350 kg; Phân super lân : 450 kg ; Phân Kali: 120 kg. Cách xa ruộng ngô tẻ 300-500m



Hình 2.16: Giống ngô Nếp lai số 1

18. Giống ngô lai C919

Nguồn gốc

- Tác giả và cơ quan tác giả: Công ty Monsanto Việt Nam
- Nguồn gốc và phương pháp: Nhập nội từ Công ty Monsanto Thái Lan.
- Giống được công nhận năm 1999 cho các tỉnh phía Nam và năm 2002 theo Quyết định số 5309 QĐ/BNN-KHCN ngày 29 tháng 11 năm 2002 cho phổ biến ở các tỉnh phía Bắc.

Những đặc tính chủ yếu

Giống ngô lai đơn C919 có thời gian sinh trưởng ở phía Bắc, vụ Xuân 110-120 ngày, vụ Đông 110-115 ngày; Duyên hải miền Trung, vụ Đông xuân là 105-110 ngày, vụ Hè thu 90-95 ngày.

Chiều cao cây 191,7 cm, chiều cao đòng bắp 90 cm, bộ lá thoáng gọn. Chiều dài bắp 16-18 cm, đường kính bắp 4,5 cm, có 14-16 hàng hạt, tỷ lệ hạt/bắp 76,8%, khối lượng 1000 hạt 290-300 g, dạng hạt bán răng ngựa, màu vàng đẹp, lá bị bao kín bắp.

Chịu úng, chịu rét, chống đổ và nhiễm nhẹ sâu bệnh. Năng suất trung bình 60-70 tạ/ha.

Thời vụ gieo trồng và yêu cầu kỹ thuật

Giống yêu cầu thâm canh khá cao do đó nên gieo trồng ở những vùng có điều kiện đầu tư, đất tốt.

Thời vụ: Trồng được ở các vụ ngô trong năm.

Khoảng cách gieo trồng: Phía Bắc 70 x 30 cm, phía Nam 70 x 25 cm. Lưu ý: đối với vụ Đông ở phía Bắc nếu gieo sau 20/9 thì phải làm bầu. Phân bón cho 1

ha: 10-15 tấn phân chuồng, 300-400 kg urê + 500-600 kg lân super +120-150 kg kali clorua.



Hình 2.17: Giống ngô C919

19. Giống ngô lai NK54

Nguồn gốc

- Tác giả và cơ quan tác giả: Công ty Syngenta Việt Nam.
- Nguồn gốc: Do Công ty Syngenta Việt Nam nhập từ Thái Lan. Phương pháp: NK54 được tạo ra từ tổ hợp lai NP5047 x NP5070 do Công ty Syngenta Thái Lan lai tạo.
- Được công nhận tạm thời năm 2003 theo Quyết định số 2061 TB/KHCN ngày 6 tháng 6 năm 2003, công nhận chính thức tháng 11 năm 2004.

- Những đặc tính chủ yếu

Thời gian sinh trưởng ở vùng Đông Nam bộ 93-98 ngày, vùng Tây Nguyên 100-110 ngày.

Chiều cao cây trung bình từ 200-215 cm, chiều cao đòng bắp 100-115 cm, cứng cây, bộ lá gọn đẹp, lá xanh đậm bền lâu, bắp to kết hạt tốt, tỷ lệ hạt/bắp 75-80%, kín đầu bắp, dạng hạt bán răng ngựa, màu hạt vàng cam. Năng suất trung bình 60-70 tạ/ha.

Khả năng thích ứng rộng, nhiễm khô vằn, đốm lá từ nhẹ đến trung bình, chịu hạn và chống đổ tốt.

- Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Mùa vụ: Các vụ sản xuất ngô chính trong năm.

Vùng/đất gieo trồng: Đông Nam bộ, Tây Nguyên, Duyên hải miền Trung, trên đất phù sa, đất xám, đỏ bazan.

Gieo trồng ở mật độ 57000 cây/ha, khoảng cách 70x25 cm. Phân bón cho 1 ha: 10-15 tấn phân chuồng, 300-400 kg urê + 500-600 kg lân super +120-150 kg kali clorua.



Hình 2.18: Giống ngô lai NK 54

20. Giống ngô lai NK 4300

Nguồn gốc

- Tác giả và cơ quan tác giả: Công ty Syngenta Việt Nam.
- Nguồn gốc: Do Công ty Syngenta Việt Nam nhập từ Thái Lan.
- Phương pháp: NK4300 được tạo ra từ tổ hợp lai NP5069/NP5088.
- Được công nhận tạm thời năm 2004 theo Quyết định số 2182 QĐ/BNN-KHCN ngày 29 tháng 7 năm 2004, công nhận chính thức tháng 11/2004.

Những đặc tính chủ yếu

Thời gian sinh trưởng phía Bắc 105-110 ngày, Duyên hải miền Trung 90-95 ngày.

Chiều cao cây từ 185-210 cm, chiều cao đòng bắp 80-100 cm, cứng cây, chiều dài bắp 14,5-16,5 cm, 14-16 hàng hạt, tỷ lệ hạt/bắp 76-80%, khối lượng 1000 hạt 280-300 gram, kín đầu bắp, dạng hạt bán răng ngựa, màu hạt vàng da cam.

Nhiễm khô vằn, đốm lá từ nhẹ đến trung bình, chịu hạn và chống đổ khá. Năng suất trung bình 50-60 tạ/ha.

Thời vụ gieo trồng và yêu cầu kỹ thuật

Mùa vụ: Thích hợp với vụ Đông, vụ Xuân ở miền Bắc trên đất phù sa, đất xen canh lúa nước.

Gieo trồng với mật độ 57000 cây/ha, khoảng cách 70 x (2-30) cm. Phân bón cho 1 ha: 10-15 tấn phân chuồng, 300-400 kg urê + 500-600 kg lân super +120-150 kg kali clorua.

BÀI 3: LÀM ĐẤT TRỒNG NGÔ

Mục tiêu:

- Trình bày được các bước làm đất trồng ngô như: Vệ sinh ruộng, làm đất, rạch hàng, bón phân lót.
- Thực hành Vệ sinh ruộng, làm đất, rạch hàng, bón phân lót.

A. Nội dung

1. Làm đất trồng ngô.

Ngô có thể trồng được trên nhiều chân đất khác nhau, song phù hợp cho ngô sinh trưởng và phát triển là đất có thành phần cơ giới từ nhẹ đến trung bình: Đất thịt nhẹ đến đất trung bình, đất phù sa ven sông, đất cát pha, đất bồi ven sông, đất đỏ ba gian... Đất có tầng canh tác từ 30- 40 cm không bị kết von đá ong, thoát nước tốt, độ PH = 6,5- 7,5.

Đất được cày bừa nhỏ, sạch cỏ. Nếu đất 2 vụ lúa, trồng thêm ngô vụ đông, cần lên luống rộng 1- 1,1m, cao 30- 40 cm, rãnh luống rộng 0,3- 0,4m. Nếu đất màu thoát nước tốt có thể làm vạt hoặc làm đất bằng.

2. Chuẩn bị hạt giống, xử lý hạt giống

Hạt giống với chất lượng tốt có thể làm tăng năng suất cây trồng từ 10% - 15% nên để có vụ sản xuất bội thu thì việc chuẩn bị hạt giống là yếu tố không thể thiếu trong quy trình kỹ thuật trồng ngô.

Hiện nay, diện tích trồng ngô lai của cả nước chiếm trên 90%, hạt giống chỉ được dùng gieo trồng một lần, vụ tiếp theo bà con nông dân lại phải mua từ nhiều kênh phân phối trên thị trường, bởi vậy việc lựa chọn mua được hạt giống tốt từ các công ty có uy tín trên thị trường cũng là cả một vấn đề với bà con nông dân. Khi mua hạt giống bà con

nông dân cần lưu ý thời gian đóng gói và hạn sử dụng của giống trên bao bì, thông thường hạt giống thường có hạn dùng là một năm kể từ ngày đóng gói.

Hạt giống trước khi đóng gói thường đã được các nhà sản xuất xử lý thuốc phòng trừ sâu bệnh, nên khi mua về bà con chỉ việc đem gieo trồng mà không cần phải xử lý thuốc.



Hình 2.19: Hạt giống trước và sau khi xử lý

3. Chọn đất và kỹ thuật làm đất

3.1. Chọn đất

Cây ngô lai có thể trồng trên nhiều loại đất khác nhau như đất có thành phần cơ giới nhẹ, đất phù sa được bồi đắp hàng năm, đất đỏ, đất bạc màu.... Nhưng thích hợp nhất là đất phù sa được bồi đắp hàng năm, kế đến là đất đỏ. Vì những loại đất này tơi xốp, nhiều chất dinh dưỡng, lớp đất mặt sâu và có độ ẩm thích hợp. Không nên trồng ngô lai trên vùng đất nhiễm phèn nặng, vùng quá khô hạn hay vùng bị ngập úng.

3.2. Kỹ thuật làm đất

Ngô có bộ rễ chùm rất phát triển, có thể làm rộng với bán kính trên 0,5m và ăn sâu trên 1m đến 2m. Do vậy, đất trồng ngô cần được cày sâu, bừa kỹ, sạch cỏ dại.

+ Đối với những vùng ngô tập trung, các lô ruộng lớn, tốt nhất làm đất tiên hành bằng cơ giới với cá khâu chính tuần tự sau:

- Bấm cỏ và phế phụ phẩm bằng bừa đĩa nặng
- Cày bằng máy sâu 15 – 18 cm
- Bấm phá bằng bừa đĩa nặng (1 lần)
- Bấm đất nhỏ bằng bừa đĩa nhẹ (2 lần theo 2 chiều vuông góc nhau)
- San bằng và vơ cỏ bằng bừa răng (2 lần)

Đất được chuẩn bị như trên là sẵn sàng cho việc gieo hạt. Nếu không tiến hành gieo bằng máy thì rạch hàng bằng một thiết bị như lưỡi vun, sau đó gieo bằng tay trên mặt luống (mùa mưa) hoặc dưới rạch (mùa khô)

+ Ở những lô đất nhỏ hoặc không có máy móc cơ khí lớn. việc làm đất có thể tiến hành bằng tay hoặc cơ khí nhỏ. các bước chính cần tiến hành:

- Đốt hoặc vơ sạch cỏ, thân cây trồng vụ trước
- Cày bằng máy công nông, bằng trâu bò sâu 10 – 12 cm
- Bừa nhỏ đất và vơ sạch cỏ bằng bừa trâu hoặc phay đất bằng máy công nông
- Lên luống hoặc rạch hàng bằng cày trâu hoặc bằng tay, sau đó gieo hạt theo khoảng cách nhất định

+ Đối với ngô đông trên đất ướt sau gặt lúa cần tiến hành :

- Cày bằng trâu tạo luống khoảng 1,1m

Vén gọn tạo rãnh thoát nước giữa các luống

Đặt bầu hoặc hạt nảy mầm ở khoảng cách đã định .



Hình 2.20: Làm đất bằng máy

Để tranh thủ thời gian, ngô Đông trên nền đất ướt có thể áp dụng phương thức làm đất tối thiểu hoặc không làm đất. Ngay sau khi gặt lúa, khi đất còn ướt

đem bầu ngô theo hàng ở khoảng cách nhất định. Có điều kiện làm rãnh thoát nước giữa các luống với 2 hàng ngô.

Ở những bãi dốc có thể không cần làm đất, chỉ vơ sạch cỏ dại, chờ có mưa, ẩm đất tiến hành chọc lỗ gieo hạt.

4. Bón phân cho ngô

4.1. Liều lượng

Cây ngô thích nghi rất cao đối với đạm, ở ngô lai không có hiện tượng lốp đổ khi bón nhiều phân như lúa, nhưng tùy loại giống mà định lượng phân bón cho có hiệu quả nhất. Nhu cầu phân bón cho cây ngô lai cao nhưng phải bón cân đối đúng lúc, đúng kỹ thuật để phát huy hết tiềm năng về năng suất.

Lượng phân bón cho 1 ha (10.000 m²).

- Urê: 300 kg.
- DAP: 150-200 kg.
- KCl: 100-150 kg.

Đối với vùng có làm đất thì có thể thay thế phân DAP bằng Supper với liều lượng 450 kg/ha (tương đương với lượng lân có trong 150 kg DAP).

Ngoài lượng phân vô cơ trên, tốt nhất nên bón thêm phân chuồng với lượng từ 8-10 tấn/ha hoặc phân hữu cơ vi sinh với lượng 2 tấn/ha.

4.2. Cách bón

- *Bón lót* : Bón lót toàn bộ lượng phân chuồng (hoặc phân hữu cơ vi sinh) với toàn bộ phân lân, đôi khi bón thêm 1/3 lượng đạm urê. Ở những lô ruộng to, gieo hạt bằng máy, lượng phân trên sau khi trộn đều được rắc đều trên mặt đất, dùng bừa đĩa vùi phân trước là bừa san bằng mặt ruộng. Thông thường áp dụng bón lót vào rãnh hoặc hốc và lấp đất trước khi gieo hạt hoặc đặt bầu.

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

1. Dụng cụ, trang thiết bị

- Đồng ruộng, dụng cụ làm đất, dao phát, phân bón, thuốc BVTV...
- Phòng học có trang bị bảng, phấn, màn hình và máy projector, máy vi tính.
- Dụng cụ phục vụ thiết kế như bút vẽ, giấy A4, A0, bản đồ, sơ đồ

2. Học liệu

- Tài liệu hướng dẫn học tập.
- Tài liệu phát tay, hướng dẫn thực hành, tài liệu tham khảo có liên quan đến môn học.
- Các nội quy, quy định về an toàn, vệ sinh lao động.

- Phiếu đánh giá kỹ năng của các bài thực hành
- Các tài liệu tham khảo.

3. Các nguồn lực khác

- Giáo viên: 2 người (giảng dạy lý thuyết, giảng dạy thực hành);
- Khu vực thực hành có nhiều dạng địa hình

V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra định kỳ

+ Phần lý thuyết: Hình thức kiểm tra vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm;

+ Phần thực hành: Giáo viên phải quan sát và theo dõi thao tác, thái độ thực hiện, đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện và bài báo cáo thực hành để đánh giá cho từng bài thực hành;

- Kiểm tra kết thúc môn học:

+ Phần lý thuyết: Kiểm tra viết (tự luận hay trắc nghiệm) tổng hợp các kiến thức của môn học;

+ Phần thực hành: Các thao tác trong từng bước của việc thực hiện qui trình

2. Nội dung đánh giá

- Lý thuyết:

Lập phương án sản xuất ngô; lựa chọn các giống ngô đang trồng phổ biến; quy trình làm đất trồng ngô

- Thực hành:

Tổng hợp, xử lý các thông tin về thị trường sản xuất ngô. Lựa chọn, tính toán lượng giống cần mua. Vệ sinh đồng ruộng, làm đất, rạch hàng, bón phân lót...

HƯỚNG DẪN GIẢNG DẠY MÔ ĐUN

I. Vị trí:

+ Mô đun chuẩn bị trồng là mô đun bắt buộc được bố trí sau mô đun: đặc điểm sinh học của cây ngô trong nghề trồng ngô.

- Tính chất:

+ Đây là một trong những mô đun kỹ năng quan trọng của nghề trồng ngô. Yêu cầu học viên cần phải đảm bảo đủ số giờ lý thuyết và thực hành

+ Nội dung mô đun được tích hợp giữa lý thuyết và thực hành nhằm trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng về chuẩn bị giống, đất trồng ngô.

II. Mục tiêu:

- Trình bày được các bước phân tích hiệu quả sản xuất và lên phương án sản xuất ngô.
- Xác định được các loại giống ngô, nơi cung cấp giống, lượng giống cần mua.
- Thực hiện được các công việc vệ sinh đồng ruộng, làm đất, rạch hàng, xử lý sâu bệnh và bón lót cho ngô.
- Nhận thức được ý nghĩa của công tác chuẩn bị sản xuất ngô.

III. Nội dung chính của mô đun:

Mã bài	Tên bài	Loại bài dạy	Địa điểm	Thời gian			
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra*
MĐ 01	Bài 1: Phân tích hiệu quả sản xuất và lên phương án sản xuất	Lý thuyết + Thực hành	Phòng học/phòng thực hành bộ môn	16	6	10	
MĐ 02	Bài 2: Các loại giống ngô	Lý thuyết + Thực hành	Phòng học/phòng thực hành bộ môn	30	5	24	1
MĐ 03	Bài 3: Làm đất trồng ngô	Lý thuyết + Thực hành	Phòng học/phòng thực hành bộ môn	30	5	24	1
	<i>Kiểm tra hết mô đun</i>			4			4
	Cộng			80	16	58	6

*Ghi chú: Thời gian kiểm tra được tính vào giờ thực hành.

4. Sách giáo khoa và tài liệu tham khảo:

- [1]. Bộ môn cây lương thực (1977), *Giáo trình cây lương thực tập II (Cây màu)*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- [2]. Cao Đắc Điểm (1998), *Cây ngô*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- [3]. Đinh Thế Lộc (1977), *Giáo trình cây lương thực tập II (Cây màu)*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- [4]. Ngô Hữu Tình, Trần Hồng Uy, Bùi Mạnh Cường, Lê Quý Kha, Nguyễn Thế Hùng (1997), *Cây ngô - nguồn gốc đa dạng di truyền và quá trình phát triển*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- [5]. Nhóm tác giả của Business. Edge. 2007. *Nghiên cứu thị trường – giải mã nhu cầu khách hàng*. NXB trẻ

**BAN CHỦ NHIỆM XÂY DỰNG
CHƯƠNG TRÌNH DẠY NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP
NGHỀ: KỸ THUẬT TRỒNG HỒ TIÊU**
(Kèm theo Quyết định số 2744 /BNN-TCCB ngày 15 tháng 10 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

- 1. Chủ nhiệm:** Ông Trần Văn Dư - Phó hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Bộ
- 2. Phó chủ nhiệm:** Bà Đào Thị Hương Lan - Phó trưởng phòng Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- 3. Thư ký:** Bà Trần Thị Thanh Bình - Trưởng khoa Trường Cao đẳng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Bộ
- 4. Các ủy viên:**
 - Ông Nguyễn Đức Ngọc, Giảng viên Trường Cao đẳng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Bộ
 - Bà Lê Thị Mai Thoa, Giảng viên Trường Cao đẳng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Bộ
 - Ông Lê Văn Hải, Trưởng bộ môn Viện nghiên cứu Ngô - Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
 - Ông Nguyễn Đức Hạnh, Phó chủ nhiệm Hợp tác xã Toàn Thắng, Gia Lộc, Hải Dương./.

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU
CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH DẠY NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP**
(Theo Quyết định số 3495 /QĐ-BNN-TCCB ngày 29 tháng 12 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

- 1. Chủ tịch:** Ông Nghiêm Xuân Hội - Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông Lâm
- 2. Thư ký:** Ông Hoàng Ngọc Thịnh - Chuyên viên chính Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- 4. Các ủy viên:**
 - Ông Lê Duy Thành - Giảng viên Trường Cao đẳng Nông Lâm
 - Ông Nguyễn Việt Thông - Giảng viên Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Bảo Lộc
 - Bà Vũ Thị Thủy - Phó trưởng phòng Trung tâm Khuyến nông Quốc gia./.